



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

SUNTORY
PEPSICO

SUNTORY
Sustained by Nature and Water

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC VỀ TIẾT KIỆM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC ĐỐI VỚI CẤP TIỂU HỌC

(Thực hiện Chương trình GDPT 2018)



Năm 2023

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Lời nói đầu..... | 5 |
| PHẦN I: HƯỚNG DẪN CHUNG | 9 |
| 1. Một số kiến thức cơ bản về nước, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch | 9 |
| 1.1. Tài nguyên nước là gì? | 9 |
| 1.2. Vai trò của nước | 10 |
| 1.2.1. Vai trò của nước đối với con người | 10 |
| 1.2.2. Vai trò của nước đối với sinh vật | 11 |
| 1.2.3. Vai trò của nước đối với sản xuất phục vụ cho đời sống con người.... | 11 |
| 1.3. Hiện trạng tài nguyên nước hiện nay | 12 |
| 1.3.1 Hiện trạng về tài nguyên nước trên thế giới | 12 |
| 1.3.2 Hiện trạng về tài nguyên nước ở Việt Nam | 13 |
| 1.4. Các nguyên nhân của việc ô nhiễm nguồn nước | 14 |
| 1.5. Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch | 15 |
| 1.5.1. Nâng cao ý thức cộng đồng..... | 15 |
| 1.5.2. Giữ sạch nguồn nước | 16 |
| 1.5.3. Tiết kiệm nguồn nước sạch | 16 |
| 1.5.4. Xử lý phân thải đúng cách | 16 |
| 1.5.5. Phân loại và xử lý đúng các loại rác thải sinh hoạt..... | 16 |
| 1.5.6. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp | 17 |
| 1.5.7. Hướng tới nông nghiệp xanh | 17 |
| 1.5.8. Hạn chế sử dụng túi đựng thực phẩm | 17 |
| 1.5.9. Tận dụng sản phẩm có thể tái chế..... | 17 |
| 1.5.10. Tránh gây ô nhiễm trong nông nghiệp | 17 |

| | |
|--|-----|
| 2. Hướng dẫn hình thức tổ chức các hoạt động học tập và phương pháp dạy học | 18 |
| 2.1. Hướng dẫn hình thức tổ chức các hoạt động học tập | 18 |
| 2.1.1. Môn Tự nhiên và Xã hội | 19 |
| 2.1.2. Môn Khoa học | 25 |
| 2.1.3. Môn Đạo đức | 30 |
| 2.1.4. Môn Lịch sử và Địa lí | 33 |
| 2.1.5. Môn Mỹ thuật | 41 |
| 2.1.6. Hoạt động trải nghiệm | 47 |
| 2.2. Một số phương pháp dạy học | 51 |
| | |
| PHẦN II: HƯỚNG DẪN CỤ THỂ | 52 |
| 2.1. Hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu “Mizuiku – Em yêu nước sạch” | 52 |
| 2.2. Một số Hoạt động minh họa | 77 |
| 2.2.1. Môn Tự nhiên và Xã hội | 77 |
| 2.2.2. Môn Khoa học | 82 |
| 2.2.3. Môn Lịch sử và Địa lí | 90 |
| 2.2.4. Hoạt động trải nghiệm | 96 |
| | |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 100 |

NHÓM BIÊN TẬP VÀ HIỆU ĐÍNH

PGS. TS. Nguyễn Thanh Đề

TS. Nguyễn Ngọc Yên

TS. Nguyễn Thị Chi

ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng

TS. Đỗ Mạnh Cường

TS. Phạm Thị Thu Ba

NHÓM CHUYÊN GIA GÓP Ý

TS. Nguyễn Nho Huy

PGS. TS. Nguyễn Huy Nga

CN. Vũ Uyên Vân

CN. Trần Thị Hương Thanh

ThS. Ngô Nữ Huyền Trang

LỜI NÓI ĐẦU

Nước là một trong những tài nguyên vô giá và không thể thiếu trong hoạt động sống của con người và các sinh vật khác trên trái đất. Nguồn nước sạch dùng trong sinh hoạt của con người đang ngày càng cạn kiệt và có nguy cơ ô nhiễm cao.

Năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công ty TNHH Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam phối hợp tổ chức chương trình giáo dục truyền thông nâng cao nhận thức về nước sạch, bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe cho học sinh tiểu học giai đoạn 2023-2025.

Để triển khai hiệu quả nâng cao nhận thức về nước sạch, bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe cho học sinh tiểu học đồng thời góp phần thực hiện thành công những mục tiêu giáo dục trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Tài liệu ***Hướng dẫn tổ chức dạy và học về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước đối với cấp tiểu học*** được biên soạn trên cơ sở cập nhật những quy định hiện hành và những kết quả chương trình “Mizuiku - Em yêu nước sạch”, những hoạt động và mô hình đã thực hiện thành công trong thực tiễn, ...

Mặc dù đã rất cố gắng để biên soạn tài liệu, song do nhiều nguyên nhân, tài liệu khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định, chúng tôi mong nhận được ý kiến phản hồi, góp ý của đồng nghiệp để bổ sung, hoàn thiện tài liệu phục vụ bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên trong các nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục nâng cao nhận thức về nước sạch, bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe cho học sinh trong nhà trường, thực hiện thành công Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trân trọng cảm ơn!

Tập thể tác giả

GIỚI THIỆU

Mục đích của tài liệu

Cung cấp thông tin cơ bản về nước, vai trò của nước đối với con người, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước để cán bộ quản lý, giáo viên có thể tham khảo, khai thác thông tin và xây dựng kế hoạch bài dạy các môn học, các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, giúp học sinh ý thức và hình thành thái độ tích cực đối với việc bảo vệ nước, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Đối tượng sử dụng

Cuốn tài liệu này mong muốn được sử dụng và chia sẻ thông tin với:

- Giáo viên cấp tiểu học
- Cán bộ quản lý giáo dục

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Tài liệu được cấu trúc gồm 02 phần:

Phần I: Hướng dẫn chung

Gồm 02 nội dung:

- Giới thiệu một số kiến thức cơ bản về nước, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch.
- Hướng dẫn hình thức tổ chức các hoạt động học tập và phương pháp dạy học khi khai thác các nội dung giáo dục về nước và tiết kiệm bảo vệ nguồn nước khi thực hiện Chương trình một số môn học và Hoạt động trải nghiệm trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Phần II: Hướng dẫn cụ thể

Gồm 02 nội dung:

- Hướng dẫn sử dụng bộ tài liệu “Mizuiku – Em yêu nước sạch” trong dạy và học các nội dung về nước, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch khi dạy học một số môn học và tổ chức Hoạt động trải nghiệm;

- Một số Hoạt động minh họa cách thức tổ chức dạy học cụ thể về nước, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước theo Chương trình GDPT 2018 (Thiết kế theo Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học).

Cán bộ quản lý, giáo viên có thể sử dụng tài liệu này trong quá trình xây dựng kế hoạch nhà trường, kế hoạch bài dạy các môn học, Hoạt động trải nghiệm, ... có nội dung sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|--------|---|
| SGK | Sách giáo khoa |
| GDPT | Giáo dục phổ thông |
| GDĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| GV | Giáo viên |
| HS | Học sinh |
| UNICEF | Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc |
| FAO | Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc |



1. MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NƯỚC, TIẾT KIỆM VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC SẠCH

1.1. Tài nguyên nước là gì?

Tài nguyên nước là toàn bộ lượng nước có trong các khu vực có nước trên Trái Đất mà con người có thể sử dụng được trong cuộc sống hằng ngày, để tồn tại, phát triển, sản xuất, ...

Tại Khoản 1 Điều 2 Luật Tài nguyên nước năm 2012 quy định ”Tài nguyên nước bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Nguồn nước là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác sử dụng được bao gồm: sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất, mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.

Tùy theo tính chất, đặc điểm, của các nguồn nước cũng như yêu cầu quản lý, sử dụng chúng vào những mục đích khác nhau, pháp luật phân chia nguồn nước nói chung và các lưu vực sông thành từng loại cụ thể như sau :

- Nước mặt là nước tồn tại trên mặt đất liền hoặc hải đảo.
- Nước dưới đất là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.
- Nước sinh hoạt là nước sạch hoặc nước an toàn để có thể dùng cho ăn, uống, vệ sinh của con người.
- Nước sạch là nước có chất lượng đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về nước sạch của Việt Nam.
- Nguồn nước liên tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.
- Nguồn nước nội tỉnh là nguồn nước phân bố trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Nguồn nước liên quốc gia là nguồn nước chảy từ lãnh thổ Việt Nam sang lãnh thổ nước khác hoặc từ lãnh thổ nước khác vào lãnh thổ Việt Nam hoặc nguồn nước nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam và quốc gia láng giềng.

- Lưu vực sông liên tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Lưu vực sông nội tỉnh là lưu vực sông nằm trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

1.2. Vai trò của nước

1.2.1. Vai trò của nước đối với con người

Nước có vai trò đặc biệt quan trọng với cơ thể, con người có thể nhịn ăn được vài ngày, nhưng không thể nhịn uống nước. Nước chiếm khoảng 70% trọng lượng cơ thể, 65-75% trọng lượng cơ, 50% trọng lượng mỡ, 50% trọng lượng xương. Nước tồn tại ở hai dạng: nước trong tế bào và nước ngoài tế bào. Nước ngoài tế bào có trong huyết tương máu, dịch limpho, nước bọt... Huyết tương chiếm khoảng 20% lượng dịch ngoài tế bào của cơ thể (3-4 lít). Nước là chất quan trọng để các phản ứng hóa học và sự trao đổi chất diễn ra không ngừng trong cơ thể. Nước là một dung môi, nhờ đó tất cả các chất dinh dưỡng được đưa vào cơ thể, sau đó được chuyển vào máu dưới dạng dung dịch nước. Một người nặng 60 kg cần cung cấp 2-3 lít nước để đổi mới lượng nước của cơ thể, và duy trì các hoạt động sống bình thường.

Uống không đủ nước ảnh hưởng đến chức năng của tế bào cũng như chức năng các hệ thống trong cơ thể như suy giảm chức năng thận. Những người thường xuyên uống không đủ nước da thường khô, tóc dễ gãy, xuất hiện cảm giác mệt mỏi, đau đầu, có thể xuất hiện táo bón, hình thành sỏi ở thận và túi mật. Khi cơ thể mất trên 10% lượng nước có khả năng gây trụy tim mạch, hạ huyết áp, nhịp tim tăng cao. Nguy hiểm hơn, bạn có thể tử vong nếu lượng nước mất trên 20%". Bên cạnh oxy, nước đóng vai trò quan trọng thứ hai để duy trì sự sống. Nước rất cần cho cơ thể, mỗi người phải tập cho mình một thói quen uống nước để cơ thể không bị thiếu nước. Có thể nhận biết cơ thể bị thiếu nước qua cảm giác khát hoặc màu của nước tiểu, nước tiểu có màu vàng đậm chứng tỏ cơ thể đang bị thiếu nước. Duy trì cho cơ thể luôn ở trạng thái cân

bằng nước là yếu tố quan trọng bảo đảm sức khỏe của mỗi người.

1.2.2. Vai trò của nước đối với sinh vật

- Nước tạo môi trường liên kết các thành phần trong tế bào.
- Nước tham gia nhiều hoạt động sống khác nhau trong cơ thể sinh vật như: điều hoà thân nhiệt, là dung môi hoà tan và vận chuyển các chất, làm nguyên liệu và môi trường cho các phản ứng chuyển hoá các chất trong cơ thể (tiêu hoá ở động vật, quang hợp ở thực vật, ...).
- Nước còn là môi trường sống của nhiều loài sinh vật.

1.2.3. Vai trò của nước đối với sản xuất phục vụ cho đời sống con người

- Trong nông nghiệp: tất cả các cây trồng và vật nuôi đều cần nước để phát triển. Từ một hạt cải bắp phát triển thành một cây rau thương phẩm cần 25 lít nước; lúa cần 4.500 lít nước để cho ra 1 kg hạt. Dân gian ta có câu: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, qua đó chúng ta có thể thấy được vai trò của nước trong nông nghiệp. Theo FAO, tưới nước và phân bón là hai yếu tố quyết định hàng đầu là nhu cầu thiết yếu, đồng thời còn có vai trò điều tiết các chế độ nhiệt, ánh sáng, chất dinh dưỡng, vi sinh vật, độ thoáng khí trong đất, làm cho tốc độ tăng sản lượng lương thực vượt qua tốc độ tăng dân số thế giới. Đối với Việt Nam, nước đã cùng với con người làm nên nền Văn minh lúa nước tại châu thổ sông Hồng – các nôi Văn minh của dân tộc, của đất nước, đã làm nên các hệ sinh thái nông nghiệp có năng suất và tính bền vững vào loại cao nhất thế giới, đã làm nên một nước Việt Nam có xuất khẩu gạo đứng nhất, nhì thế giới hiện nay.

- Trong Công nghiệp: Nước cho nhu cầu sản xuất công nghiệp rất lớn. Nước dùng để làm nguội các động cơ, làm quay các tuabin, là dung môi làm tan các hóa chất màu và các phản ứng hóa học. Để sản xuất 1 tấn gang cần 300 tấn nước, một tấn xút cần 800 tấn nước. Người ta ước tính rằng 15% sử dụng nước trên toàn thế giới công nghiệp như: các nhà máy điện, sử dụng nước để làm mát hoặc như một nguồn năng lượng, quặng và nhà máy lọc dầu, sử dụng nước trong quá trình hóa học, và các nhà máy sản xuất, sử dụng nước như một dung môi. Mỗi ngành công nghiệp, mỗi loại hình sản xuất và mỗi

công nghệ yêu cầu một lượng nước, loại nước khác nhau. Nước góp phần làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Nếu không có nước thì chắc chắn toàn bộ các hệ thống sản xuất công nghiệp, nông nghiệp...trên hành tinh này đều ngừng hoạt động và không tồn tại. Từ 3.000 năm trước công nguyên, người Ai Cập đã biết dùng hệ thống tưới nước để trồng trọt và ngày nay con người đã khám phá thêm nhiều khả năng của nước đảm bảo cho sự phát triển của xã hội trong tương lai: nước là nguồn cung cấp thực phẩm và nguyên liệu công nghiệp dồi dào, nước rất quan trọng trong nông nghiệp, công nghiệp, trong sinh hoạt, thể thao, giải trí và cho rất nhiều hoạt động khác của con người. Ngoài ra nước còn được coi là một khoáng sản đặc biệt vì nó tàng trữ một nguồn năng lượng lớn và lại hòa tan nhiều vật chất có thể khai thác phục vụ cho nhu cầu nhiều mặt của con người.

1.3. Hiện trạng tài nguyên nước hiện nay

1.3.1 Hiện trạng về tài nguyên nước trên thế giới

Tài nguyên nước là các nguồn nước mà con người có thể sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, giải trí. Hầu hết các nguồn nước được sử dụng là nước ngọt.

Trên trái đất, biển và đại dương bao phủ khoảng 70% bề mặt trái đất và cung cấp 97% lượng nước nước mặn (nước muối) và chỉ có khoảng 3% còn lại là nước ngọt. Nước ngọt là nguồn tài nguyên tái tạo, được cung cấp từ các nguồn nước bề mặt gồm sông (bao gồm sông băng), hồ hoặc vùng đất ngập nước và từ nước ngầm dưới lòng đất. Ngoài ra còn từ một lượng nhỏ hơi nước trong không khí.

Hiện nay việc sử dụng tài nguyên nước không hợp lý đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến số lượng và chất lượng tài nguyên nước ngọt trên thế giới, ảnh hưởng đến môi trường sống, sức khỏe con người và các sinh vật trên trái đất. Dân số trên thế giới vẫn đang tiếp tục gia tăng làm cho nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng lên. Việc cung cấp nước sạch trên thế giới đang dần dần giảm đi do nguồn nước ngày càng bị ô nhiễm và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (ví dụ như hạn hán, nhiễm mặn) ngày càng nặng nề.

Trung bình mỗi ngày trên trái đất có khoảng 2 triệu tấn chất thải sinh hoạt đổ ra sông hồ và biển cả, 70% lượng chất thải công nghiệp không qua xử lý bị trực tiếp đổ vào các nguồn nước tại các quốc gia đang phát triển khiến nguồn nước dùng trong sinh hoạt của con người bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra trên toàn thế giới làm gia tăng tình trạng hạn hán, giảm lượng mưa và giảm lượng nước của các sông, suối, ao, hồ và nguồn nước ngầm. Ngược lại, biến đổi khí hậu cũng làm cho nước biển dâng cao xâm nhập vào đất liền gây nên tình trạng các nguồn nước ngọt bị nhiễm mặn và gây nên tình trạng ngập lụt làm cho thiếu nước sạch để sử dụng.

1.3.2 Hiện trạng về tài nguyên nước và sử dụng ở Việt Nam

Mạng lưới sông, suối, ao hồ ở nước ta khá phát triển. Trên lãnh thổ nước ta có khoảng 3.450 sông, suối, kênh rạch có chiều dài từ 10km trở lên trải đều trên cả nước. Tổng lượng nước mặt trung bình năm của nước ta khoảng 830 – 840 tỷ m³ nước tập trung ở 13 lưu vực sông lớn. Trong số này có 7 lưu vực sông liên quốc gia, tổng lượng nước chảy từ nước ngoài vào Việt Nam (từ Trung Quốc, Campuchia, Lào, Thái Lan) chiếm hơn một nửa (63%) tổng lượng dòng chảy của các sông ở nước ta dẫn đến việc phụ thuộc vào nguồn nước từ các quốc gia láng giềng.

Tiềm năng nước ngầm của nước ta khá lớn, tổng trữ lượng tài nguyên nước ngọt dưới đất vào khoảng 69 tỷ m³/năm, chủ yếu tập trung ở các khu vực đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Việt Nam thuộc quốc gia có lượng mưa lớn trên thế giới, lượng nước mưa trung bình khoảng 1.940 – 1.960mm/năm. Tuy nhiên do ảnh hưởng của địa hình và vị trí địa lý nên tài nguyên nước mưa phân bố không đồng đều giữa các khu vực trên cả nước và biến đổi mạnh theo mùa: mùa mưa lượng nước rất nhiều (chiếm 60 – 95% tổng lượng mưa cả năm) gây ngập lụt kéo dài nhưng mùa khô lượng mưa giảm mạnh gây thiếu nước, hạn hán.

Ngành nông nghiệp là ngành sử dụng nước nhiều nhất (chiếm trên 85% lượng nước khai thác), tiếp theo là nuôi trồng thủy sản (5%) và sản xuất công nghiệp (5%), sinh hoạt và du lịch (4%). Hiện nay, do sự phát triển kinh tế, xã

hội và sự gia tăng dân số, nhu cầu sử dụng tài nguyên nước đang tăng lên rất nhanh. Năm 2000 tổng lượng nước cần dung của các ngành khoảng 70 tỷ m³, năm 2017 tăng lên 96 tỷ m³ và đến 2020 tăng lên 120 tỷ m³ nước. Nhu cầu sử dụng tăng nhanh dẫn đến việc khai thác tài nguyên nước tăng trong khi đó nguồn nước của Việt Nam là hữu hạn, hơn nữa lại phụ thuộc vào nguồn nước từ nước ngoài.

Gia tăng nhu cầu sử dụng nước, khai thác tài nguyên nước quá mức làm tăng lượng nước thải vào nguồn nước, gây ô nhiễm nguồn nước, cạn kiệt và khan hiếm nước ở nước ta..

Thực trạng ô nhiễm nước mặt: Hiện nay chất lượng nước ở vùng thượng lưu các con sông chính còn khá tốt. Tuy nhiên ở các vùng hạ lưu đã và đang có nhiều vùng bị ô nhiễm nặng nề. Đặc biệt mức độ ô nhiễm tại các con sông tăng cao vào mùa khô khi lượng nước đổ về các con sông giảm. Chất lượng nước suy giảm mạnh, ô nhiễm nước sông xảy ra ở các khu vực tập trung đông dân cư, khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề.

Thực trạng ô nhiễm nước dưới đất: Hiện nay nguồn nước dưới đất ở Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những vấn đề như bị nhiễm mặn, nhiễm thuốc trừ sâu, các chất có hại khác. Việc khai thác quá mức và không có quy hoạch đã làm cho mực nước dưới đất bị hạ thấp. Hiện tượng này ở các khu vực đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Khai thác nước quá mức cũng sẽ dẫn đến hiện tượng xâm nhập mặn ở các vùng ven biển.

1.4. Các nguyên nhân của việc ô nhiễm nguồn nước

Nguyên nhân chính là do các hoạt động xả rác thải và nước thải ra môi trường, nhất là nước thải chưa được xử lý từ các hoạt động sinh hoạt của con người, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, làng nghề và các chất thải nguy hại khác.

- Nước thải sinh hoạt: Chiếm 30% tổng lượng thải trực tiếp ra các sông hồ, hay kênh rạch dẫn ra sông. Lượng nước thải phát sinh từ các khu vực đô thị nhiều so với khu vực nông thôn, dẫn đến quá tải các hệ thống thoát nước và tiếp nhận nước thải tại các thành phố. Hiện nay mới chỉ có khoảng 12% nước

thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải công nghiệp: Các khu công nghiệp ở nước ta đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên vẫn còn có nhiều nhà máy, xí nghiệp ở bên ngoài khu công nghiệp xả nước thải không qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn vào nguồn nước.

- Nước thải nông nghiệp: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động canh tác, trồng trọt và chăn nuôi, do đó có chứa phân gia súc, gia cầm; hóa chất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Ước tính mỗi năm có khoảng 70 nghìn kg và hơn 40 nghìn lít thuốc trừ sâu không được xử lý, xâm nhập vào môi trường, làm gia tăng mức độ ô nhiễm nước mặt, nước ngầm. Nước thải chăn nuôi và nước thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản cũng là những nguồn gây ô nhiễm nguồn nước.

- Ô nhiễm nguồn nước do rác thải: Bên cạnh các nguồn nước thải kể trên, việc xả rác thải bừa bãi vào nguồn nước vừa gây ô nhiễm nguồn nước vừa làm tắc nghẽn dòng chảy. Ước tính chỉ có khoảng 86% lượng rác thải đô thị và khoảng 50% lượng rác thải nông thôn (trong đó có phân gia súc, gia cầm) được thu gom và xử lý theo quy định. Như vậy, vẫn còn một lượng khá lớn rác thải chưa được thu gom, xử lý và thải trực tiếp thẳng ra ao, hồ, kênh, rạch. Cả nước ta có khoảng 660 bãi chôn lấp rác sinh hoạt, trong đó chỉ có 203 bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh lại là nguy cơ làm ô nhiễm các dòng sông và các tầng nước ngầm dưới đất.

1.5. Tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch

1.5.1. Nâng cao ý thức cộng đồng

Để bắt tay vào hành động, mỗi người cần phải hiểu và ý thức được việc bảo vệ môi trường nước sạch quan trọng như thế nào. Đây là chiến dịch của mỗi cá nhân, mỗi gia đình, mỗi tổ chức, mỗi đất nước và của cả thế giới. Biện pháp bảo vệ nguồn nước sạch đầu tiên là thức tỉnh và nâng cao ý thức của người dân hành động, hành động tiết kiệm nước sạch khi sử dụng.

1.5.2. Giữ sạch nguồn nước

Biện pháp bảo vệ môi trường nước hiệu quả tiếp theo là giữ sạch nguồn nước. Không nên vứt rác thải bừa bãi ra môi trường, không được thải trực tiếp nước thải chưa được xử lý ra nguồn nước sạch. Không được phóng uế bậy ra nguồn nước, đặc biệt không sử dụng phân tươi để bón cho rau củ, cây cối. Hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, hoá chất bảo vệ thực vật,...nếu sử dụng cần phải đúng hướng dẫn.

1.5.3. Tiết kiệm nguồn nước sạch

Bảo vệ nguồn nước chính là hành động tiết kiệm, giảm lãng phí nước trong quá trình sinh hoạt hàng ngày. Cụ thể, bạn hãy tắt vòi nước khi đánh răng/rửa mặt/rửa tay/giặt giũ xong. Đường ống dẫn nước/bể nước bị rò rỉ cần phải kiểm tra và khắc phục ngay để tránh bị ô nhiễm, thất thoát nước sạch ra ngoài. Đặc biệt, khi trời có mưa, nên sử dụng thùng đựng nước mưa để tận dụng vào việc rửa dụng cụ, rửa xe cộ hoặc dùng để tưới cây. Vừa tận dụng được nước mưa từ thiên nhiên vừa tiết kiệm được nguồn nước sạch, tránh gây lãng phí.

Bảo vệ nguồn nước chính là hành động tiết kiệm, giảm lãng phí nước

1.5.4. Xử lý phân thải đúng cách

Biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả tiếp theo được Chính phủ các nước khuyến khích áp dụng đó chính là xử lý phân thải đúng cách. Đối với các gia đình đông thành viên, gia đình làm vườn, chăn nuôi gia súc gia cầm cần phải có kế hoạch thu gom phân thải khoa học. Nên xây dựng các hố ủ vệ sinh khoa học để đựng và ủ phân trước khi đem bón cho cây hoặc xả ra môi trường. Tuyệt đối tránh tình trạng xả phân trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là nguồn nước.

1.5.5. Phân loại và xử lý đúng các loại rác thải sinh hoạt

Mỗi gia đình cần trang bị các thùng đựng rác có nắp đậy. Đồng thời, phải biết cách phân loại rác hữu cơ và rác vô cơ để có các biện pháp xử lý rác thải sinh hoạt hiệu quả. Đối với các tòa nhà chung cư, sinh hoạt tập thể, công cộng, cần có các thùng rác lớn nắp đậy kín và phân loại rác rõ ràng. Đồng thời, những khu sinh

sống tập thể cần phải có các biện pháp xử lý rác hợp vệ sinh, hạn chế gây ô nhiễm nguồn nước sạch.

1.5.6. Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp

Mỗi khu vực, cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp trước khi đổ ra cống xả nước chung. Đặc biệt, tại các khu công nghiệp, bệnh viện, quá trình xử lý nước thải lại cần được chú trọng hơn. Phải xây dựng và tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý nước thải ra môi trường. Tránh tình trạng xả trực tiếp nguồn nước sinh hoạt ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước.

1.5.7. Hướng tới nông nghiệp xanh

Người nông dân có thể tham gia bảo vệ môi trường bằng cách hướng tới nông nghiệp xanh. Cụ thể, nông dân hãy xây dựng và lên kế hoạch quản lý chất dinh dưỡng trong nông nghiệp. Hạn chế tối đa tình trạng chất dinh dưỡng dư thừa ngấm vào đất, nguồn nước ngầm. Hạn chế ảnh hưởng của thuốc trừ sâu, diệt cỏ bằng kỹ thuật, ...

1.5.8. Hạn chế sử dụng túi đựng thực phẩm

Hạn chế sử dụng túi đựng thực phẩm, bao bì nilon cũng là biện pháp bảo vệ môi trường nước hiệu quả. Vì thế, bạn nên tránh dùng các túi đựng, sử dụng một lần như: Hộp đựng thức ăn nhanh, cốc nhựa, ... Khi đi mua sắm, nên mang túi riêng đi đựng để bảo vệ môi trường, sử dụng túi thân thiện với môi trường, ...

1.5.9. Tận dụng sản phẩm có thể tái chế

Thay vì sử dụng các sản phẩm chỉ sử dụng một lần hay bao bì nilon gây ô nhiễm môi trường đất và nước. Hãy áp dụng phương pháp tận dụng sản phẩm có thể tái chế sử dụng. Hành động này sẽ góp phần giảm thiểu được một số lượng rác thải lớn ra môi trường. Đồng thời, bạn sẽ cảm thấy thích thú với sự sáng tạo của mình trước các đồ dùng được tái chế.

1.5.10. Tránh gây ô nhiễm trong nông nghiệp

Thực tế, không chỉ các hoạt động sản xuất công nghiệp mới gây ô nhiễm nguồn nước. Các hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng gây hưởng lớn đến

nguồn nước sạch sinh hoạt của con người. Vì thế, đối với chăn nuôi, người dân nên kết hợp với kỹ thuật chăn nuôi công nghiệp cao. Cần phải có hệ thống xử lý chất thải chăn nuôi đồng bộ tránh tình trạng thải chất thải trực tiếp ra ngoài môi trường. Đối với cây trồng, nông dân cần phải sử dụng phân bón đúng liều lượng, đúng thời gian tránh tình trạng dư thừa làm ô nhiễm môi trường đất, dẫn tới ô nhiễm chất lượng nguồn nước.

2. HƯỚNG DẪN HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

2.1. Hướng dẫn hình thức tổ chức các hoạt động học tập

Trong Chương trình GDPT 2018, các nội dung tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch như: nâng cao nhận thức cộng đồng, giữ sạch nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch, xử lý phân thải đúng cách, phân loại và xử lý đúng các loại rác thải sinh hoạt..., có trong một số môn học (Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Lịch sử và Địa Lí, Khoa học, Mĩ thuật,...) và hoạt động trải nghiệm, cụ thể như sau:

2.1.1. Môn Tự nhiên và Xã hội

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--|--|---|
| Lớp 1 | Gia đình | |
| | Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà | Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình. |
| | Trường học | |
| | Cơ sở vật chất của lớp học và trường học | Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học và trường học. |
| | Giữ lớp học sạch đẹp | Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch đẹp. |
| | Cộng đồng địa phương | |
| Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội qua quan sát cuộc sống hằng ngày và tranh ảnh hoặc video.- Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý.- Nêu được một số việc học sinh có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương. | |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|--|
| Lớp 2 | Thực vật và động vật | |
| | Chăm sóc và bảo vệ cây trồng và vật nuôi | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được việc làm phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi. - Làm được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng ở trường hoặc ở nhà và đối xử tốt với vật nuôi. |
| | Trái đất và bầu trời | |
| | Thời tiết | Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... ở mức độ đơn giản. |
| Lớp 2 | Gia đình | |
| | Giữ vệ sinh nhà ở | <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tại sao phải giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). - Làm được một số việc phù hợp để giữ sạch nhà ở (bao gồm cả nhà bếp và nhà vệ sinh). |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|--|
| | Trường học | |
| | Giữ vệ sinh trường học | Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường. |
| | Thực vật và động vật | |
| | Bảo vệ môi trường sống của thực vật, động vật | <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập được thông tin về một số việc làm của con người có thể làm thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật. - Giải thích được ở mức độ đơn giản sự cần thiết phải bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật. - Nêu được những việc có thể làm để bảo vệ, hạn chế sự thay đổi môi trường sống của thực vật, động vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện. |
| | Con người và sức khỏe | |
| | Chăm sóc, bảo vệ các cơ quan trong cơ thể | Nêu được sự cần thiết và thực hiện được việc uống đủ nước, không nhịn tiểu để phòng tránh bệnh sỏi thận. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|-----------------------------|---|
| | Trái đất và bầu trời | |
| | Các mùa trong năm | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên và một số đặc điểm của các mùa trong năm (ví dụ: mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông; mùa mưa và mùa khô). |
| | Một số thiên tai thường gặp | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và mô tả được một số hiện tượng thiên tai (ví dụ: bão, lũ, lụt, giông sét, hạn hán,...) ở mức độ đơn giản. - Đưa ra được một số ví dụ về thiệt hại tính mạng con người và tài sản do thiên tai gây ra. - Nêu và luyện tập được một số cách ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Chia sẻ với những người xung quanh và cùng thực hiện phòng tránh rủi ro thiên tai. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|---|
| Lớp 3 | Gia đình | |
| | Giữ vệ sinh xung quanh nhà | <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh xung quanh nhà. - Giải thích được một cách đơn giản tại sao cần phải giữ vệ sinh xung quanh nhà. |
| | Trường học | |
| | Giữ vệ sinh ở trường hoặc khu vực xung quanh trường | Có ý thức giữ gìn và làm được một số việc phù hợp để giữ vệ sinh trường học và khu vực xung quanh trường. |
| | Cộng đồng địa phương | |
| | Một số hoạt động sản xuất | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên, sản phẩm và ích lợi của một số hoạt động sản xuất (nông nghiệp, công nghiệp hoặc thủ công) ở địa phương. - Trình bày, giới thiệu được một trong số các sản phẩm của địa phương dựa trên các thông tin, tranh ảnh, vật thật,... sưu tầm được. - Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để chia sẻ với những người xung quanh về sự cần thiết phải tiêu dùng tiết kiệm, bảo vệ môi trường. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|--|
| | Di tích văn hoá, lịch sử và cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được (bằng lời hoặc kết hợp lời nói với hình ảnh) một di tích lịch sử, văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thể hiện sự tôn trọng và có ý thức giữ vệ sinh khi đi tham quan di tích văn hoá, lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên. |
| | Trái đất và bầu trời | |
| | Một số đặc điểm của Trái Đất | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ban đầu về hình dạng Trái Đất qua quả địa cầu. - Chỉ được cực Bắc, cực Nam, đường Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam và các đới khí hậu trên quả địa cầu. - Trình bày được một vài hoạt động tiêu biểu của con người ở từng đới khí hậu dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Tìm và nói được tên các châu lục và các đại dương trên quả địa cầu. Chỉ được vị trí của Việt Nam trên quả địa cầu. - Nêu được một số dạng địa hình của Trái Đất: đồng bằng, đồi, núi, cao nguyên; sông, hồ; biển, đại dương dựa vào tranh ảnh và (hoặc) video. - Xác định được nơi học sinh đang sống thuộc dạng địa hình nào. |



2.1.2. Môn Khoa học

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|--|
| Lớp 4 | Chất | |
| | Nước | |
| | Tính chất, vai trò của nước; vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên | <ul style="list-style-type: none">- Quan sát và làm được thí nghiệm đơn giản để phát hiện ra một số tính chất và sự chuyển thể của nước.- Nêu được một số tính chất của nước (không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định; chảy từ cao xuống thấp, chảy lan ra khắp mọi phía; thấm qua một số vật và hoà tan một số chất).- Vận dụng được tính chất của nước trong một số trường hợp đơn giản.- Vẽ sơ đồ và sử dụng được các thuật ngữ: bay hơi, ngưng tụ, đông đặc, nóng chảy để mô tả sự chuyển thể của nước.- Vẽ được sơ đồ và ghi chú được “Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên”.- Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về: ứng dụng một số tính chất của nước; vai trò của nước trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt. |
| | Ô nhiễm và bảo vệ môi trường nước | Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về: nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước; sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và phải sử dụng tiết kiệm nước. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|--|
| | Làm sạch nước; nguồn nước sinh hoạt | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số cách làm sạch nước; liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương. - Thực hiện được và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm. |
| | Thực vật và động vật | |
| | <i>Nhu cầu sống của thực vật và động vật</i> | |
| | Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, chất khoáng đối với thực vật | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các yếu tố cần cho sự sống và phát triển của thực vật (ánh sáng, không khí, nước, chất khoáng và nhiệt độ) thông qua thí nghiệm hoặc quan sát tranh ảnh, video clip. - Trình bày được thực vật có khả năng tự tổng hợp chất dinh dưỡng cần cho sự sống. - Vẽ được sơ đồ đơn giản (hoặc điền vào sơ đồ cho trước) về sự trao đổi khí, nước, chất khoáng của thực vật với môi trường. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------------------------------|---|---|
| | Nhu cầu ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ, thức ăn đối với động vật | <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được dẫn chứng cho thấy động vật cần ánh sáng, không khí, nước, nhiệt độ và thức ăn để sống và phát triển. - Trình bày được động vật không tự tổng hợp được các chất dinh dưỡng, phải sử dụng các chất dinh dưỡng của thực vật và động vật khác để sống và phát triển. - Vẽ được sơ đồ đơn giản (hoặc điền vào sơ đồ cho trước) về sự trao đổi khí, nước, thức ăn của động vật với môi trường. |
| | <i>Ứng dụng thực tiễn về nhu cầu sống của thực vật, động vật trong chăm sóc cây trồng và vật nuôi</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được kiến thức về nhu cầu sống của thực vật và động vật để đề xuất việc làm cụ thể trong chăm sóc cây trồng và vật nuôi, giải thích được tại sao cần phải làm công việc đó. - Thực hiện được việc làm phù hợp để chăm sóc cây trồng (ví dụ: tưới nước, bón phân,...) và (hoặc) vật nuôi ở nhà. |
| Con người và sức khỏe | | |
| | Chế độ ăn uống cân bằng | Trình bày được sự cần thiết phải ăn phối hợp nhiều loại thức ăn, ăn nhiều rau, hoa quả và uống đủ nước mỗi ngày. |
| Sinh vật và môi trường | | |
| | Vai trò của thực vật trong chuỗi thức ăn | - Trình bày được vai trò quan trọng của thực vật đối với việc cung cấp thức ăn cho con người và động vật. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|--|
| | | - Thực hiện được một số việc làm giữ cân bằng chuỗi thức ăn trong tự nhiên và vận động gia đình cùng thực hiện. |
| Lớp 5 | Chất | |
| | Đất | |
| | Vấn đề ô nhiễm, xói mòn đất và bảo vệ môi trường đất | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm, xói mòn đất và biện pháp chống ô nhiễm, xói mòn đất. - Đề xuất, thực hiện được việc làm giúp bảo vệ môi trường đất và vận động những người xung quanh cùng thực hiện. - Thực hiện được việc giữ vệ sinh khi tham gia một số hoạt động ở trường. |
| | Năng lượng | |
| | Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy | |
| | Sử dụng năng lượng nước chảy | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số phương tiện, máy móc và hoạt động của con người sử dụng năng lượng nước chảy. - Thu thập, xử lí thông tin và trình bày được (bằng những hình thức khác nhau) về việc khai thác, sử dụng dạng năng lượng nêu trên. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|--|--|
| | Sinh vật và môi trường | |
| | Vai trò của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các chức năng cơ bản của môi trường đối với sinh vật nói chung và con người nói riêng: + Cung cấp chỗ ở, thức ăn và những nhu cầu sống thiết yếu khác. + Nơi chứa đựng các chất thải do con người và sinh vật tạo ra trong quá trình sống. + Bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài. |
| | Tác động của con người đến môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Thu thập được một số thông tin, bằng chứng cho thấy con người có những tác động tiêu cực và những tác động tích cực đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Thực hiện được một số việc làm thiết thực, phù hợp để góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. - Xây dựng được nội dung và sử dụng cách trình bày phù hợp như dùng hình ảnh, sơ đồ,... để vận động mọi người cùng sống hoà hợp với thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học ở địa phương. |



2.1.3. Môn Đạo đức

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|-------------------------------|--|
| Lớp 1 | Thực hiện nội quy trường, lớp | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được những biểu hiện thực hiện đúng nội quy trường, lớp.- Biết vì sao phải thực hiện đúng nội quy trường, lớp.- Thực hiện đúng nội quy của trường, lớp.- Nhắc nhở bạn bè thực hiện đúng nội quy trường, lớp. |
| | Tự chăm sóc bản thân | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được những việc làm tự chăm sóc bản thân như: vệ sinh răng, miệng, tóc, cơ thể; ăn mặc chỉnh tề; ...- Biết vì sao phải biết tự chăm sóc bản thân |
| Lớp 2 | Quê hương em | <ul style="list-style-type: none">- Nêu được địa chỉ của quê hương.- Bước đầu nhận biết được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người ở quê hương mình.- Thực hiện được việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi thể hiện tình yêu quê hương: yêu thương gia đình; chăm sóc, bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương; kính trọng, biết ơn những người có công với quê hương; ... |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---------------------------------|---|
| | Tuân thủ quy định nơi công cộng | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số quy định cần tuân thủ ở nơi công cộng. - Biết vì sao phải tuân thủ quy định nơi công cộng. - Thực hiện được các hành vi phù hợp để tuân thủ quy định nơi công cộng. - Đồng tình với những lời nói, hành động tuân thủ quy định nơi công cộng; không đồng tình với những lời nói, hành động vi phạm quy định nơi công cộng. |
| Lớp 3 | Em yêu Tổ quốc Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số nét cơ bản về vẻ đẹp của đất nước, con người Việt Nam. - Thực hiện được hành vi, việc làm thể hiện tình yêu Tổ quốc Việt Nam: nghiêm trang khi chào cờ và hát Quốc ca; yêu quý, bảo vệ thiên nhiên; trân trọng và tự hào về truyền thống lịch sử, văn hóa của đất nước. |
| Lớp 4 | Bảo vệ của công | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số biểu hiện của bảo vệ của công. - Biết vì sao phải bảo vệ của công. - Có những việc làm cụ thể để bảo vệ của công. - Nhắc nhở mọi người giữ gìn, bảo vệ của công. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|------------------------|--|
| Lớp 5 | Bảo vệ môi trường sống | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các loại môi trường sống. - Biết vì sao phải bảo vệ môi trường sống. - Biết bảo vệ môi trường sống ở nhà, ở trường, ở nơi công cộng bằng những việc làm cụ thể phù hợp với khả năng. - Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống. |

2.1.4. Môn Lịch sử và Địa lí

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|---|
| Lớp 4 | Địa phương em (Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) | |
| | Thiên nhiên và con người địa phương | <ul style="list-style-type: none">- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh. |
| Lớp 4 | Trung du và miền núi | |
| | Thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none">- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Fansipan, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------------------------|--|--|
| | | - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ. |
| | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá | - Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thủy điện, khai thác khoáng sản,...). |
| Đồng bằng Bắc Bộ | | |
| | Thiên nhiên | - Xác định được vị trí địa lí của vùng đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. - Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng đồng bằng Bắc Bộ |
| | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá | - Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công,...) ở đồng bằng Bắc Bộ; - Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thủy. |
| | Sông Hồng và văn minh sông Hồng | - Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ. |



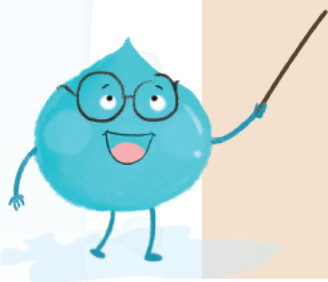
| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----------------------------|--------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng. - Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng. - Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết (ví dụ: Sơn Tinh –Thủy Tinh; Sự tích bánh chưng, bánh dày,...). - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng. |
| Duyên hải miền Trung | | |
| | <p>Thiên nhiên</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng,...) của vùng duyên hải miền Trung. - Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng duyên hải miền Trung. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số tác động của môi trường thiên nhiên đối với đời sống và hoạt động sản xuất trong vùng. - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp phòng chống thiên tai ở vùng duyên hải miền Trung. - Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai. |
| | <p>Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số bãi biển, cảng biển của vùng duyên hải miền Trung. - Nêu được một số hoạt động kinh tế biển ở vùng duyên hải miền Trung (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển,...). - Xác định được các di sản thế giới ở vùng duyên hải miền Trung trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá của vùng duyên hải miền Trung, có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...). |
| | <p>Phố cổ Hội An</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ. - Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (ví dụ: Nhà cổ, Hội quán của người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,...) có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...). |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|--|--|
| | | - Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An. |
| | Tây Nguyên | |
| | Thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của vùng Tây Nguyên, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, đất đai, khí hậu, rừng,...) của vùng Tây Nguyên. - Nêu được nét điển hình của khí hậu thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ của một địa điểm ở vùng Tây Nguyên. - Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Tây Nguyên. - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ rừng ở Tây Nguyên. |
| | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá | - Trình bày được một số hoạt động kinh tế chủ yếu ở vùng Tây Nguyên (ví dụ: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thủy điện,...). |
| | Nam Bộ | |
| | Thiên nhiên | - Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ. - Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ. |
| | Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hoá | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi. - Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản,...). - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu (ví dụ: nhà ở, chợ nổi, vận tải đường sông,...). |
| Lớp 5 | Đất nước và con người Việt Nam | |
| | Thiên nhiên Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số đặc điểm của một trong những thành phần của thiên nhiên Việt Nam. - Kể được tên và xác định được trên lược đồ hoặc bản đồ một số khoáng sản chính. - Nêu được vai trò của tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế. - Trình bày được một số khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|----------------------------|---|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và phòng chống thiên tai. |
| | Biển, đảo Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của vùng biển, một số đảo, quần đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ hoặc lược đồ. - Trình bày được công cuộc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở biển Đông trong lịch sử, có sử dụng một số tư liệu, tranh ảnh, câu chuyện liên quan (Hải đội Hoàng Sa, lễ khao lề thế lính Hoàng Sa,...). - Sưu tầm, đọc và kể lại được một số câu chuyện, bài thơ về biển, đảo Việt Nam. |
| Các nước láng giềng | | |
| | Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của Trung Quốc trên bản đồ hoặc lược đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Trung Quốc. |
| | Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của nước Lào trên bản đồ hoặc lược đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước Lào. |
| | Vương quốc Campuchia | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí của Campuchia trên bản đồ hoặc lược đồ. - Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của Campuchia. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|------------------------------------|--|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Sưu tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử,...), tìm hiểu và mô tả được một số công trình tiêu biểu của Campuchia: Angkor Wat, Angkor Thom, Tượng đài các chiến sĩ tình nguyện Việt Nam,... |
| Tìm hiểu thế giới | | |
| | <p>Các châu lục và đại dương trên thế giới</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí địa lí, của các châu lục, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn trên thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả cầu. - Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, thiên nhiên,...) của các châu lục. - Kể được tên và xác định được vị trí địa lí của các đại dương trên bản đồ hoặc quả địa cầu. - Sử dụng bảng số liệu và lược đồ hoặc bản đồ, so sánh được diện tích, độ sâu của các đại dương. |
| Chung tay xây dựng thế giới | | |
| | <p>Xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số vai trò của thiên nhiên đối với cuộc sống con người. - Sử dụng kiến thức lịch sử, địa lí kết hợp với một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...), liệt kê và trình bày được một số vấn đề môi trường (ví dụ: thiên tai, biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường,...). |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để xây dựng thế giới xanh – sạch – đẹp. - Thể hiện được sự quan tâm đến vấn đề môi trường trên thế giới qua hình thức vẽ tranh, viết thư,... |

2. 1.5. Môn Mĩ thuật

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|--|
| Lớp 2 | Mĩ thuật tạo hình | |
| | <p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp:</p> <p><i>Yếu tố tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p><i>Nguyên lí tạo hình</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mĩ thuật - Hội hoạ - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> | <p><i>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được công cụ phù hợp với vật liệu sẵn có trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được nét bằng các hình thức khác nhau, sử dụng nét mô phỏng đối tượng và trang trí sản phẩm. - Sử dụng được các màu cơ bản; màu đậm, màu nhạt trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được sản phẩm có dạng hình, khối cơ bản. - Biết vận dụng tính chất lặp lại, nhịp điệu của chấm, nét hoặc hình, màu trong thực hành, sáng tạo. - Thể hiện được sự hiểu biết ban đầu về bản in trong thực hành, sáng tạo. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--------------|---|--|
| | <p>Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>Thảo luận</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội. | <ul style="list-style-type: none"> - Biết giữ vệ sinh trường, lớp, đồ dùng học tập,... trong thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưng bày, giới thiệu, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm. - Nhận ra được cùng một chủ đề có thể sử dụng chất liệu hoặc hình thức tạo hình khác nhau. |
| Lớp 3 | Mỹ thuật tạo hình | |
| | <p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>Yếu tố tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p>Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. | <p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt. - Biết phân biệt màu cơ bản và màu thứ cấp. - Biết liên hệ nội dung chủ đề với hình ảnh trong thực tiễn. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo được màu thứ cấp và đọc được tên các màu đó trong thực hành, sáng tạo. |

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|--|--|
| | <p>Thể loại</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật - Hội hoạ - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>Thảo luận</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương. | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được đậm, nhạt của chấm, nét để trang trí sản phẩm. - Biết vận dụng sự tương phản của hình, khối dạng cơ bản để mô phỏng đối tượng. - Tạo được cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm, như: mịn, mềm, thô ráp,... - Tạo được sự biểu đạt hình động cho sản phẩm. - Thể hiện được chi tiết, hình ảnh làm trọng tâm ở sản phẩm. - Phân biệt được vẽ, in và nặn trong thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưng bày, trao đổi, chia sẻ được cảm nhận về sản phẩm và ý tưởng vận dụng. - Biết mô tả, chia sẻ cảm nhận về tác phẩm mỹ thuật ở mức độ đơn giản. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|---|
| Lớp 4 | Mĩ thuật tạo hình | |
| | <p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>Yếu tố tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p>Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật - Hội hoạ - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>Thảo luận</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. | <p>Quan sát và nhận thức thẩm mĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. - Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần. - Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: - Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo. - Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo. - Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. - Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng. - Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình sản phẩm. - Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. |

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|--|--|
| | <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước. | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. - Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật. |
| Lớp 5 | <p>Mỹ thuật tạo hình</p> <p><i>Yếu tố và nguyên lí tạo hình</i></p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <p>Yếu tố tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <p>Nguyên lí tạo hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. <p>Thể loại</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận và lịch sử mỹ thuật - Hội hoạ | <p>Quan sát và nhận thức thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số yếu tố và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. - Phân biệt được tranh vẽ, tranh in, tượng và phù điêu. - Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, liên hệ thực tiễn. <p>Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn, phối hợp được vật liệu khác nhau để thực hành, sáng tạo. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-----|---|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> - Đồ hoạ (tranh in) - Điêu khắc <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <p>Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D. - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <p>Thảo luận</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. - Sản phẩm thực hành của học sinh. <p>Định hướng chủ đề</p> <p>Lựa chọn, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước; Thế giới. | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được một số yếu tố tạo hình để mô phỏng đối tượng thẩm mỹ. - Trao đổi, chia sẻ và vận dụng được kinh nghiệm trong thực hành sáng tạo. - Thể hiện được yếu tố chính, phụ ở sản phẩm. - Vận dụng được một số nguyên lí tạo hình như: cân bằng, tương phản, lặp lại,... ở mức độ đơn giản trong thực hành, sáng tạo. - Biết làm quen với sử dụng thiết bị công nghệ trong thực hành, sáng tạo hoặc lưu giữ sản phẩm. - Phân biệt được một số hình thức tạo sản phẩm hội họa, đồ hoạ, điêu khắc trong thực hành, sáng tạo. <p>Phân tích và đánh giá thẩm mỹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được hình thức giới thiệu, biết mô tả yếu tố tạo hình ở sản phẩm; biết tự đánh giá hoạt động thực hành, thảo luận. - Bước đầu biết sử dụng một số yếu tố, nguyên lí tạo hình để chia sẻ cảm nhận về sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. |

2.1.6. Hoạt động trải nghiệm

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|--|
| Lớp 1 | Hoạt động hướng đến xã hội | |
| | Hoạt động chăm sóc gia đình | <ul style="list-style-type: none">- Biết tham gia sắp xếp nhà cửa gọn gàng.- Biết cách sử dụng một số dụng cụ gia đình một cách an toàn |
| | Hoạt động hướng đến tự nhiên | |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống.- Biết bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên nơi mình sinh sống. |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường | <ul style="list-style-type: none">- Nhận biết được thế nào là môi trường sạch, đẹp và chưa sạch, đẹp.- Thực hiện được một số việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi để bảo vệ môi trường xung quanh luôn sạch, đẹp. |
| | Hoạt động hướng vào bản thân | |
| Lớp 2 | Hoạt động rèn luyện bản thân | <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện được một số công việc tự phục vụ phù hợp với lứa tuổi. |
| | Hoạt động hướng đến xã hội | |
| | Hoạt động xây dựng nhà trường | <ul style="list-style-type: none">- Tham gia hoạt động lao động giữ gìn cảnh quan nhà trường. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|---|
| | Hoạt động hướng đến tự nhiên | |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được với bạn bè, người thân về vẻ đẹp của cảnh quan ở địa phương. - Biết cách chăm sóc, bảo vệ cảnh quan xung quanh nơi mình sinh sống. |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh môi trường xung quanh. - Thực hiện được những việc làm phù hợp với lứa tuổi để giữ gìn vệ sinh môi trường ở nhà trường. |
| | Hoạt động hướng vào bản thân | |
| Lớp 3 | Hoạt động rèn luyện bản thân | <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen giữ gìn nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ. |
| | Hoạt động hướng đến xã hội | |
| | Hoạt động chăm sóc gia đình | <ul style="list-style-type: none"> - Biết tiết kiệm khi sử dụng điện, nước trong gia đình. |
| | Hoạt động xây dựng nhà trường | <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được ý tưởng về việc trang trí, lao động vệ sinh lớp học, có ý thức giữ an toàn trong khi trang trí lớp học. |
| | Hoạt động hướng đến tự nhiên | |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. |

| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|--------------|---|---|
| | | - Tuyên truyền tới bạn bè, người thân về việc bảo vệ vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường | - Nhận biết được những biểu hiện của ô nhiễm môi trường. - Tham gia tích cực vào các hoạt động phù hợp với lứa tuổi trong phòng, chống ô nhiễm môi trường. |
| Lớp 4 | Hoạt động hướng đến xã hội | |
| | Hoạt động xây dựng cộng đồng | - Thực hiện được hành vi có văn hoá nơi công cộng. |
| | Hoạt động hướng đến tự nhiên | |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | - Giới thiệu được với bạn bè, người thân về cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. - Thực hiện được một số việc làm cụ thể để chăm sóc, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường | - Tìm hiểu được thực trạng vệ sinh trường, lớp. - Thực hiện được những việc làm cụ thể để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. |



| Lớp | Mạch nội dung | Yêu cầu cần đạt |
|-------|---|---|
| Lớp 5 | Hoạt động hướng đến xã hội | |
| | Hoạt động xây dựng cộng đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, hoạt động lao động công ích và các lễ hội truyền thống ở địa phương. - Đánh giá được sự đóng góp và sự tiến bộ của các thành viên khi tham gia hoạt động xã hội. |
| | Hoạt động hướng đến tự nhiên | |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được cảm xúc và niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên của địa phương và đất nước. - Đề xuất được một số biện pháp bảo tồn cảnh quan thiên nhiên |
| | Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được thực trạng môi trường nơi sinh sống. - Tự nguyện tham gia và vận động được người thân cùng tham gia lao động công ích, giữ vệ sinh môi trường khu dân cư. |

2.2. Một số phương pháp dạy học

Phương pháp giáo dục sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch cho học sinh tiểu học chủ yếu sử dụng phương pháp dạy học tích cực để tạo điều kiện, cơ hội cho học sinh (HS) được thực hành trải nghiệm trong quá trình học tập. Việc dạy học sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch cho HS được thực hiện qua các phương pháp đặc trưng của môn học. Tuy nhiên, các phương pháp dạy học tích cực như: phương pháp dạy học nhóm, phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi, phương pháp dự án, ... sẽ tạo điều kiện, cơ hội cho HS được thực hành, trải nghiệm, thấu hiểu các giá trị của việc sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch trong quá trình học tập. Bên cạnh đó, nhà trường, giáo viên có thể tổ chức các cuộc thi, chiến dịch như: “Thi viết, vẽ về sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch”; “Chiến dịch 7 ngày sống xanh”, ... giúp HS nhận thức đúng tầm quan trọng của sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch với bản thân, gia đình và cộng đồng.





2.1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BỘ TÀI LIỆU “MIZUIKU – EM YÊU NƯỚC SẠCH”

Trong quá trình xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức dạy học các bài học/chủ đề ở một số môn học và Hoạt động trải nghiệm về tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch, giáo viên có thể lựa chọn các trò chơi, các hoạt động tương tác, ... trong tài liệu của dự án “Mizuiku – Em yêu nước sạch” cho phù hợp với các hoạt động Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập, thực hành, Vận dụng. Giáo viên (GV) có thể lựa chọn khai thác, sử dụng các nguồn tài liệu theo Bảng gợi ý dưới đây.

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|--|--|
| M1 | 5 phút | Động não – “Các loại nước có trong tự nhiên” | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên hỏi hoặc cho học sinh thi liệt kê các loại nước có trong tự nhiên mà các em biết. - Giáo viên viết đáp án do HS nêu lên bảng và tổng kết về các loại nước có trong tự nhiên: nước mưa, nước biển, nước sông, nước suối... |
| M2 | 10 phút | Trò chơi “Tôi là ai” | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời 1 - 2 cặp HS tình nguyện lên tham gia làm mẫu trò chơi Tôi là ai - Đoán tên của các bức tranh về các loại nước có trong tự nhiên (nước mưa, nước ngầm, nước biển...) - 02 HS đứng ở vị trí đối diện nhau. Một HS nhìn thấy tranh, HS còn lại không nhìn thấy tranh. HS nhìn thấy tranh phải mô tả những đặc điểm của nội dung bức tranh và HS còn lại phải đoán được nội dung của bức tranh đó. |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|-----------------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi theo cặp. - Kết thúc trò chơi, giáo viên tổng kết. |
| M3 | 10 phút | Trò chơi “Tam sao thất bản” | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời một hoặc một nhóm 2 - 3 HS làm mẫu gợi ý, các HS còn lại sẽ đóng vai người đoán. - Nhóm gợi ý sẽ bóc thăm các hành động liên quan đến chủ đề nước, sau đó phải dùng ngôn ngữ cơ thể diễn tả hành động đó. - Người đoán sẽ có thời gian 2 phút cho một hành động. - Giáo viên luân phiên thay đổi người gợi ý và người đoán sau mỗi hành động. |
| M4 | 10 phút | Điệu nhảy rửa tay | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tập hợp HS và tổ chức hướng dẫn điệu nhảy rửa tay theo 6 bước rửa tay đúng cách. - Giáo viên có thể tham khảo một số video hướng dẫn điệu nhảy rửa tay trên Youtube. |
| M5 | 10 phút | Vòng tuần hoàn của nước | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp học thành các nhóm nhỏ, phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ các giai đoạn của vòng tuần hoàn nước và yêu cầu các em thảo luận để sắp xếp thành một vòng tuần hoàn hoàn chỉnh. Bộ thẻ bao gồm: Nước bốc hơi; hơi nước ngưng tụ thành mây; mưa; nước đọng lại ở ao, hồ, sông, suối. - Thời gian thảo luận: 5 phút. |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|----------------------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc thời gian thảo luận, giáo viên cho các nhóm trình bày về vòng tuần hoàn nước của nhóm. - Giáo viên tổng hợp lại kết quả, tổng kết nội dung: Nước ở ao, hồ, sông, biển, ... bốc hơi thành hơi nước dưới ánh nắng mặt trời. Hơi nước lên cao, gặp lạnh ngưng tụ thành những hạt nước rất nhỏ liên kết với nhau tạo thành những đám mây trắng. Càng lên cao càng lạnh, hơi nước ngưng tụ lại thành những đám mây đen trĩu nặng nước và rơi xuống tạo thành mưa. Nước mưa theo rễ cây xuống đất thành mạch nước ngầm; nước mưa đọng lại ở ao, hồ, sông, suối, biển... và lại bắt đầu vòng tuần hoàn. |
| M5 | 15 phút | Vai trò của nước trong cuộc sống | <p>Giáo viên tổ chức trò chơi “Thi tiếp sức” giữa các nhóm Câu hỏi gợi ý: Liệt kê những hoạt động cần sử dụng nước trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm xếp thành một hàng dọc, lần lượt tiếp sức cho nhau lên bảng để viết đáp án. Thời gian thực hiện: 3 phút. - Kết thúc thời gian, giáo viên tổng hợp kết quả của các nhóm. - Chiếu phim - Câu chuyện của nước. Thời gian: 1 phút 27 <p>https://www.youtube.com/watch?v=CwpHMPH-WbM</p> |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---------------|---|
| | | | <p>Gợi ý câu hỏi thảo luận trước khi xem phim: Trong phim còn có những hoạt động nào liên quan đến nước mà các em chưa nhắc đến?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cung cấp thêm một số thông tin về vai trò của nước trong cuộc sống: - Nước chiếm phần lớn trọng lượng cơ thể người, động vật và thực vật. Mất từ mười đến hai mươi phần trăm (10 - 20%) lượng nước trong cơ thể, sinh vật sẽ chết. - Nước giúp cho cơ thể hấp thụ được những chất dinh dưỡng hòa tan và tạo thành các chất cần thiết cho sự sống của sinh vật. - Nước giúp cơ thể thải ra các chất thừa, chất độc hại. - Nước còn là môi trường sống của nhiều loài sinh vật khác. |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|--------------------------------------|--|
| M6 | 20 phút | Hoạt động vẽ tranh: Dòng sông quê em | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chuẩn bị dụng cụ cho hoạt động: giấy A2, sáp màu, bút lông, phẩm màu, giấy vụn, dầu ăn, mực viết, bột màu, 2 bình nước trong. - Giáo viên chia HS thành các nhóm (7 - 9 em/ nhóm) và tiến hành hoạt động vẽ tranh dòng sông quê em. - Giáo viên gợi ý HS vẽ dòng sông, các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng được xây dựng xung quanh dòng sông như khu dân cư, nhà máy, khu công nghiệp, khu vui chơi, khu chăn nuôi gia súc... |
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi hoàn thiện bức tranh, giáo viên mời đại diện các nhóm lên thuyết trình về dòng sông của nhóm: Trên dòng sông và 2 bên bờ có những hoạt động sản xuất sinh hoạt gì? Các hoạt động đó có xả chất thải ra môi trường hay không? Nếu câu trả lời là có, giáo viên mời HS dùng bột màu/giấy vụn thả vào bình nước trong. - Giáo viên đặt câu hỏi cho các nhóm: <ul style="list-style-type: none"> + So sánh bình nước lúc ban đầu và bình nước hoạt động? + Những nguyên nhân nào có thể gây ra ô nhiễm dòng sông? - Giáo viên tổng hợp lại câu trả lời của các nhóm và tổng kết nội dung các nguồn/nguyên nhân có thể gây ô nhiễm nước. |



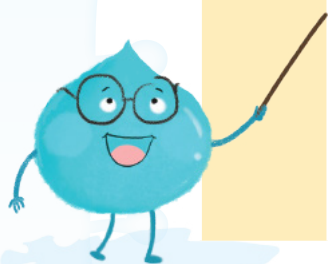
| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|--------------------------------|--|
| M7 | 20 phút | Trò chơi – Cảnh sát môi trường | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành các nhóm 5 - 8 HS và phát cho mỗi nhóm một bức tranh về các hành động ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn nước. |
| M7 | 20 phút | Trò chơi – Cảnh sát môi trường | <div data-bbox="746 701 1245 1366" data-label="Image"> </div> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm thảo luận trong 5 phút để trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Kể tên các hành động có tác động tiêu cực đến môi trường nước. + Mỗi hành động trong tranh có tác động như thế nào đến tài nguyên nước? - GV gọi một số nhóm HS trả lời, sau đó nhận xét, tổng kết. |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|--|--|
| M8 | 15 phút | Những vấn đề về nước có tác động như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta? | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành 5 nhóm, Chiếu phim - Na&Bi. Thời gian: 3 phút - Sau khi xem phim yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi: “Khi thiếu nước sạch, chúng ta gặp phải những vấn đề gì?” - Thời gian thảo luận 10 phút. - Kết thúc thảo luận, giáo viên mời các nhóm trình bày, sau đó nhận xét, tổng kết. |
| M9 | 20 phút | Hoạt động hùng biện “Tôi là nước” | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm đại diện cho một loại nước và thảo luận câu hỏi: Nếu em là nước thì em sẽ nói gì với mọi người? - Ví dụ: Tôi là nước mưa, tôi từ đâu đến? Tôi được dùng để làm gì? Tôi đang cảm thấy như thế nào? ... - Các nhóm sẽ thảo luận trong thời gian 10 phút để viết một bài hùng biện cho các câu hỏi trên. - Kết thúc thời gian thảo luận, mỗi nhóm sẽ cử ra 1 bạn để hùng biện trước lớp. Cả lớp đặt câu hỏi cho bạn hùng biện. - Giáo viên nhận xét và tổng kết nội dung. |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---|--|
| M10 | 30 phút | Hướng dẫn rửa tay đúng cách và tiết kiệm nước | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tập trung học sinh ra khu vực rửa tay và mời 2 học sinh thực hiện mẫu hoạt động rửa tay: + Một em để vòi trong suốt quá trình rửa tay. + Một em khóa vòi trong lúc không dùng nước. - Các em học sinh quan sát và so sánh lượng nước mất đi sau khi các bạn rửa tay xong. |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổng kết và tiến hành hướng dẫn rửa tay đúng cách bằng xà phòng với quy trình thực hiện theo những bước sau: + Bước 1: Làm ướt bàn tay, lấy 3-5 ml dung dịch rửa tay hoặc chà bánh xà phòng lên lòng và mu hai bàn tay. Xoa hai lòng bàn tay vào nhau cho xà phòng dàn đều. + Bước 2: Đặt lòng và các ngón của bàn tay này lên mu bàn tay kia và chà sạch mu bàn tay và kẽ các ngón tay (từng bên). + Bước 3: Đặt lòng hai bàn tay vào nhau, chà sạch lòng bàn tay và kẽ ngón tay. + Bước 4: Móc hai bàn tay vào nhau và chà sạch mặt mu các ngón tay. + Bước 5: Dùng lòng bàn tay này xoay và chà sạch ngón tay cái bàn tay kia và ngược lại. + Bước 6: Chụm đầu các ngón tay của bàn tay này và chà sạch đầu các ngón tay vào lòng bàn tay kia và ngược lại. Rửa sạch tay dưới vòi nước, sau đó dùng khăn sạch thấm khô tay. - Thời gian vệ sinh tay tối thiểu cho cả quy trình là 30 giây. - Giáo viên lần lượt cho học sinh thực hiện hoạt động rửa tay đúng cách. |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---|--|
| M11 | 15 phút | Chiếu phim - Tôi yêu nước sạch | <ul style="list-style-type: none"> - Chiếu phim Tôi yêu nước sạch: http://youtu.be/hLoM1bvSR-E (2 phút) - Học sinh phát biểu cảm nghĩ sau khi xem phim. - Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh: Chúng ta nên có những việc làm gì để bảo vệ và tiết kiệm nước? - Giáo viên tổng hợp câu trả lời và tổng kết |
| M12 | 20 phút | Chia sẻ kinh nghiệm, bài học từ chính các em học sinh trong lớp | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ những việc làm hằng ngày, hành động nào sử dụng nước chưa tiết kiệm và gây ô nhiễm môi trường. - GV đặt câu hỏi: Từ đó, các em đã có những thay đổi nào để tiết kiệm và bảo vệ nước? - Giáo viên khuyến khích các em học sinh chia sẻ những câu chuyện bảo vệ và tiết kiệm nước ở trường học và ở nhà của chính bản thân mình. |
| M13 | 15 phút | Thí nghiệm Lọc nước | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị dụng cụ để làm 1 bộ máy lọc nước + 1 chai nhựa (500 ml), cắt đôi + 3 muỗng cát + 3 muỗng sỏi + 3 muỗng than + Khăn giấy để làm màng lọc + 1 cốc đựng nước bẩn + 1 thìa/muỗng |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên làm mẫu cho học sinh: <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Gấp khăn giấy làm tư, để cẩn thận vào phần nửa đầu chai nước để che kín miệng chai. + Bước 2: Cho lần lượt 3 muỗng than, 3 muỗng cát, 3 muỗng sỏi theo thứ tự. + Bước 3: Đặt phần còn lại của chai nước phía dưới bộ lọc và đổ từ từ nước bẩn vào bộ lọc. Sau khi nước chảy xong, có thể tiếp tục lọc lại để nước trong hơn. - Giáo viên đặt câu hỏi cho học sinh: <ul style="list-style-type: none"> + Nêu 3 bước của quy trình lọc nước? + Màu sắc của nước trước và sau khi lọc? + Nước sau khi lọc có uống được không? - Giáo viên chia 2-3 em/nhóm để thực hành. - Sau khi các nhóm đã thực hiện xong, giáo viên yêu cầu nộp sản phẩm theo nhóm. - Giáo viên mời đại diện của các nhóm lọc được nước trong nhất chia sẻ kinh nghiệm và tổng kết. |
| M14 | 20 phút | Có bao nhiêu nước trong cuộc sống? | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên sử dụng một hình tròn lớn để minh họa cho hoạt động. Hình tròn được cắt thành 2 phần: |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> + Phần lớn (97,5% nước mặn): đại diện cho nước biển và đại dương. + Phần nhỏ (2,5% nước ngọt): đại diện cho nước trong ao, hồ, sông, suối, nước ngầm, băng tuyết tại các đỉnh núi và tại Nam và Bắc bán cầu. - Giáo viên đặt câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Nước con người dùng hàng ngày là loại nước nào trong tự nhiên? + Trong 2 phần của hình tròn, phần nào là nước uống được? (giáo viên đưa 2 hình to và nhỏ được cắt ở trên) + Con người có dùng được tất cả lượng nước ngọt trên Trái Đất không? - Giáo viên sử dụng các hình tròn nêu trên để tổng kết: - Hơn 70% diện tích của Trái Đất được bao phủ bởi nước. Lượng nước trên Trái Đất có khoảng 1,38 tỉ km³. Trong đó 97,5 % là nước mặn trong các đại dương trên thế giới, phần còn lại, 2,5 % là nước ngọt. Tuy nhiên, phần lớn lượng nước này tồn tại chủ yếu dưới dạng băng tuyết đóng ở hai cực và trên các ngọn núi; chỉ có 0,75% nước trên toàn thế giới là có thể sử dụng làm nước uống. |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|-----------------------------------|--|
| M15 | 15 phút | Hoạt động - Kể chuyện tưởng tượng | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp làm 3 nhóm, tiến hành cho các em thảo luận câu hỏi: Nếu không có nước, cuộc sống của chúng ta sẽ như thế nào? - Các nhóm sẽ thảo luận trong 10 phút để trả lời câu hỏi và dựng thành một vở kịch dựa trên các câu trả lời. - Kết thúc thời gian thảo luận, các nhóm sẽ lần lượt trình diễn vở kịch của mình. - Giáo viên tổng hợp và tổng kết. |
| M16 | 30 phút | Hoạt động - Kể chuyện bằng tranh | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành các nhóm từ 4 - 5 học sinh. - Các nhóm sẽ được nhận từ 3 - 4 bức ảnh về các hành động gây ô nhiễm, lãng phí |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|---|
| | | | <p>nguồn nước và các hậu quả. Các nhóm thảo luận trong thời gian 10 phút để tưởng tượng một câu chuyện liên quan đến nội dung của các bức ảnh trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết thúc thời gian thảo luận, các nhóm sẽ lần lượt kể câu chuyện của mình. - Giáo viên nhận xét câu chuyện của các nhóm và cùng cả lớp bình chọn câu chuyện có ý nghĩa nhất. |
| M17 | 30 phút | Hoạt động - Đo nước tại địa phương | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chia lớp thành các nhóm từ 3-5 học sinh, phát cho mỗi nhóm 1 bộ dụng cụ chứa nước, sau đó hướng dẫn các em học sinh tiến hành lấy mẫu nước tại trường học (nước giếng, nước sông, nước máy...) tại trường học. - Giáo viên tiến hành giới thiệu các dụng cụ đo lường, các chỉ số cơ bản của nước và cách quy trình tiến hành đo nước cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ - Nhiệt kế + Độ Ph - Giấy quỳ + Màu sắc + Kính hiển vi |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tiến hành thực hiện mẫu quy trình đo nước, sau đó hướng dẫn các em tự thực hiện với mẫu nước đã lấy. - Các em học sinh tiến hành đo và ghi chú lại các thông số đo được. - Giáo viên tiến hành phân tích và giải thích ý nghĩa của các con số đối với mẫu nước. |
| M18 | 20 phút | Thí nghiệm - Nước ô nhiễm | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chuẩn bị sẵn mẫu nước ở các con sông, suối ở địa phương. - Giáo viên chuẩn bị dụng cụ thí nghiệm: màng lọc - Giáo viên giới thiệu và tiến hành thí nghiệm lọc nước ô nhiễm bằng màng lọc. - Giáo viên cho các em học sinh quan sát những chất đọng lại trên màng lọc. - Các em học sinh đi lấy mẫu nước và tự thực hiện thí nghiệm. - Giáo viên hỏi học sinh có những cách nào làm nước không ô nhiễm và đi đến tổng kết. |
| M19 | 20 phút | Hoạt động tìm hiểu các nguồn nước ở xung quanh trường | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên dẫn dắt: Đảm bảo chất lượng nước cũng quan trọng như cung cấp nước. Chất lượng nước chịu sự tác động của ống dẫn nước mưa, giếng khoan... Hóa chất, dầu, chất béo, sơn, rác thải và phân bón... đều là nhân tố tiềm tàng gây ô nhiễm nguồn nước của chúng ta. Hãy tham gia kiểm tra nguồn nước trường học. |



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---------------|--|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên chuẩn bị dụng cụ: bút và giấy. - Giáo viên hướng dẫn học sinh vẽ bản đồ môi trường trường học. Trên bản đồ, đánh dấu các vùng đang sử dụng nước, ví dụ những khu vực có vòi nước, cống rãnh, vườn, bể nước. Bản đồ này sẽ ghi lại sự lưu thông nước quanh trường. - Bản đồ có thể cho thấy nếu một học sinh mở vòi nước tại điểm A, nhìn vào bản đồ ta có thể biết được nước sẽ chảy đi đâu, ví dụ như đi theo đường cống thoát nước, hoặc bị ngấm vào đất... - Giáo viên đặt những câu hỏi đơn giản để giúp học sinh xác định được vấn đề về nước tại trường học: <ul style="list-style-type: none"> + Trường học của em có dùng nước máy không? Nếu không, trường em lấy nước từ nguồn nào? + Có bao nhiêu vòi nước trong trường của em? + Em thường mở vòi nước bao lâu? + Em có khóa vòi nước lại khi đang nói chuyện với bạn bè không? + Sau khi dùng nước ở vòi, nước có chảy xuống cống không? + Ở cuối đường cống thoát nước, nước sẽ chảy đi đâu? |

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|----------------------------|----------------|
| M20 | 5 phút | Nguyên nhân gây ra ô nhiễm | |

Thử thách 1

Chuyện gì đang xảy ra?

Một trong những nguyên nhân chính khiến nước ngày càng khan hiếm và trở nên ô nhiễm, đó là do hoạt động sinh hoạt và sản xuất của loài người. Chúng mình cùng cân nhắc nên hay không nên thực hiện hoạt động nào dưới đây?

| | NÊN | KHÔNG NÊN |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 1. Vứt rác xuống sông | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2. Xả chất thải công nghiệp ra ao, hồ, sông, suối | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3. Nhấc bố mẹ sữa vòi nước khi bị rò rỉ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4. Để vòi nước chảy, lên phòng xem ti vi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5. Nhặt rác xung quanh ao hồ | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 6. Đánh bắt cá bừa bãi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7. Xử lý nước thải trước khi thải ra sông ngòi | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 8. Làm tràn dầu trên biển | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 9. Vứt xác động vật xuống sông | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 10. Uống đủ nước | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |



Bảng ý kiến thuộc "Mizuiku - Em yêu nước sạch" và dùng chom ục đích phit hương mại. Nguồn: "www.mizuiku.emyeunuocsach.vn"

15

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|----------------------------|----------------|
| M21 | 10 phút | Nguyên nhân gây ra ô nhiễm | |

Thử thách 2

Tại sao nước không sạch?

Hầu hết các hoạt động sinh hoạt hàng ngày đều sử dụng nước. Vậy chúng mình cùng quan sát bức tranh sau đây và hãy liệt kê những hành động gây ô nhiễm nguồn nước?

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.



16

Bảng quyền thuộc "Mizuiku - Em yêu nước sạch" và dùng chom ọc đichp hi thươg mại. Nguồn: "www.mizuiku-emyeuuocsach.vn"

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|---------------------------------------|----------------|
| M22 | 10 phút | Thực trạng các vấn đề xảy ra với nước | |

Thử thách 5

Truy tìm các vấn đề xảy ra với nước(*)

Tìm những cụm từ trong bảng chữ cái, dựa trên các câu gợi ý phía dưới nhé!

V U T R A C B U A B A I
H T H U O C T R U S A U
O N Y U P B T R E S G H
N G Y M N C W H K T U O
H U D B G G D A Y O K T
I S Q H H C T S K L K D
E O I H G J N E P O J F
M Q A B C M N N U T H U

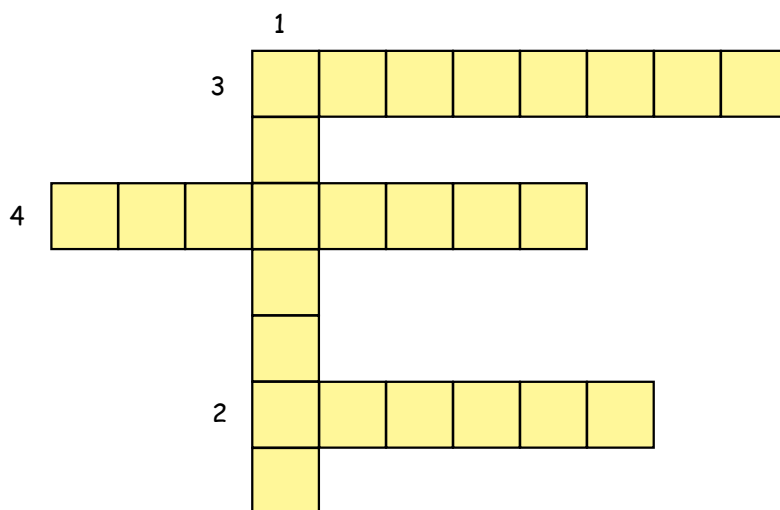
1. Một hành vi gây ô nhiễm nguồn nước.
2. Một trong những vấn đề của nước.
3. Đây là một chất được sử dụng trên đồng ruộng, nó sẽ thấm xuống đất và làm ô nhiễm nguồn nước.
4. Uống nước nhiễm chất này, có thể gây ra ngộ độc, tiểu đường hoặc ung thư.

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|----------------------------------|----------------|
| M23 | 10 phút | Ảnh hưởng của nguồn nước ô nhiễm | |

Thử thách 6

Tìm hiểu về các loại bệnh liên quan đến nước (*)

1. Khi uống nước chưa đun sôi, bạn sẽ dễ bị gì?
2. Nếu uống phải nước ô nhiễm, bạn sẽ có cảm giác buồn nôn, mệt mỏi, đây là gì?
3. Khi sử dụng nước bẩn để rửa mặt hoặc sử dụng chung khăn mặt, bạn sẽ gặp bệnh gì?
4. Khi không giữ gìn vệ sinh cá nhân, trẻ em hay mắc bệnh gì liên quan đến đường tiêu hoá?



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|----------------|
| M24 | 10 phút | Thực hành tiết kiệm và bảo vệ nước | |

Thử thách 1

Kiểm tra hệ thống cung cấp nước của gia đình

| THIẾT BỊ | CÁC MỤC KIỂM TRA | KẾT QUẢ | CẦN PHẢI LÀM GÌ |
|--------------------|--|---------|-----------------|
| Vòi nước | Có bao nhiêu vòi nước trong nhà? | | |
| | Bao nhiêu vòi nước bị rò rỉ? | | |
| Thiết bị chứa nước | Có bao nhiêu thiết bị chứa nước trong nhà của bạn? | | |
| | Có dụng cụ nào bị hư hỏng không? | | |
| | Có dụng cụ chứa nước mưa không? | | |

27

Bản quyền thuộc "Mizuiku - Em yêu ước sạch" và dùng chom ục dichp hi thương mại. Nguồn: "www.mizuikuemyeuuocsach.vn"



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|----------------|
| M25 | 10 phút | Thực hành tiết kiệm và bảo vệ nước | |

Thử thách 2

Quan sát khu vực nhà vệ sinh ở trường học và hoàn thiện bảng dưới đây:

| NỘI DUNG KHẢO SÁT | KẾT QUẢ | CẦN PHẢI LÀM GÌ |
|---|---------|-----------------|
| Nhà vệ sinh có mùi khó chịu không? | | |
| Nhà vệ sinh có nước sạch để sử dụng không? | | |
| Trong nhà vệ sinh có con gì? | | |
| Sau khi đi vệ sinh, các bạn bỏ giấy ở đâu? | | |
| Nhà vệ sinh có khu vực rửa tay không? | | |
| Khu vực rửa tay có xà phòng không? | | |
| Có bao nhiêu vòi rửa tay? | | |
| Bạn hãy điền thêm những phát hiện khác trong và xung quanh khu vực nhà vệ sinh ở phía dưới nhé: | | |
| | | |
| | | |

28

Bản quyền thuộc "Mizuiku - Em yêu ước sạch" và dùng cho mục đích phi thương mại. Nguồn: www.mizuiku.emyeuocsach.vn

| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|----------------|
| M26 | 10 phút | Thực hành tiết kiệm và bảo vệ nước | |

Thử thách 3

Bạn đã từng?

Điền vào dấu "..." những hành động tiết kiệm và bảo vệ nước mà bạn đã từng làm.

Hành động thích nhất là:

.....

Hành động dễ nhất là:

.....

Hành động nhiều người cùng làm nhất:

.....

Hành động sáng tạo nhất là:

.....

Bản quyền thuộc "Mizuiku - Em yêu ước sạch" và dùng chom ục đích phi thương mại. Nguồn: www.mizuiku.emyeunuoocsach.vn

29



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|----------------|
| M27 | 10 phút | Thực hành tiết kiệm và bảo vệ nước | |

Thử thách 4

Tiết kiệm và tái sử dụng nước.

Theo bạn, nước rửa rau còn thừa, có thể dùng để làm gì? Đánh dấu vào ô trống mà bạn chọn.









30

Bản quyền thuộc "Mizuiku - Em yêu ước sạch" và dùng cho mục đích phi thương mại. Nguồn: "www.mizuiku-emyeuuocsach.vn"



| Nguồn | Thời gian | Tên hoạt động | Cách thực hiện |
|-------|-----------|------------------------------------|----------------|
| M28 | 10 phút | Thực hành tiết kiệm và bảo vệ nước | |

Thử thách 5

Bạn có tiết kiệm nước không? (*)

Hãy cùng thử tính toán xem nhà ai sử dụng tiết kiệm nước hơn nhé.

Đơn vị: chai nước



$$+ = 1 \text{ lít nước}$$

Nhà bạn Hiền:

| Hoạt động | Bố | Mẹ | Em | Hiền |
|----------------------|----|----|----|------|
| Đơn vị: chai nước | | | | |
| Đánh răng và rửa mặt | 1 | 2 | 2 | 3 |
| Tắm | 10 | 15 | 20 | 10 |
| Rửa rau | 5 | 5 | 8 | 5 |
| Rửa tay, chân | 3 | 6 | 5 | 6 |
| Gội đầu | 5 | 5 | 5 | 4 |

Nhà bạn Nam:

| Hoạt động | Bố | Mẹ | Em | Nam |
|----------------------|----|----|----|-----|
| Đơn vị: chai nước | | | | |
| Đánh răng và rửa mặt | 1 | 2 | 2 | 5 |
| Tắm | 12 | 15 | 20 | 8 |
| Rửa rau | 7 | 5 | 8 | 5 |
| Rửa tay, chân | 3 | 7 | 6 | 8 |
| Gội đầu | 4 | 5 | 8 | 3 |

Đố bạn:

1. Nhà bạn nào sử dụng nhiều nước hơn? Vì sao?

.....

2. Nếu em là bạn Nam, em sẽ làm gì để tiết kiệm nước trong các hoạt động trên?

.....

.....

2.2. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG MINH HỌA



Một số Hoạt động minh họa cách thức tổ chức dạy học cụ thể về nước, tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước theo Chương trình GDPT 2018 (Thiết kế theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học).

2.2.1. Môn Tự nhiên và Xã hội

| | |
|-------|---|
| LỚP 1 | CHỦ ĐỀ 1. GIA ĐÌNH Bài 1. Kể về gia đình (2 tiết) <i>(Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)</i> |
|-------|---|

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS đạt được:

- * Về năng lực khoa học:
 - Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình.
 - Nêu được một số công việc mà các thành viên thường làm và các hoạt động vui chơi của các thành viên trong gia đình.
 - Tự giác tham gia công việc nhà phù hợp
 - *Tự giác thực hiện sử dụng nước tiết kiệm khi làm việc nhà.*
- * Về năng lực chung:
 - Năng lực giao tiếp và hợp tác
 - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- * Về phẩm chất:
 - Yêu quý, trân trọng, thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình.
 - *Có ý thức tiết kiệm nước khi thực hiện một số công việc của gia đình.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên:
 - Hình trong SGK phóng to (nếu)
 - Tranh ảnh các thành viên cùng chia sẻ công việc nhà ở một số gia đình (trong đó có một số ảnh về việc làm trong gia đình có sử dụng nguồn nước tiết kiệm và chưa tiết kiệm), bài hát về gia đình.
 - *Phiếu học tập (M26): Thử thách 4 trang 30 “Nhật kí nước sạch”*
- Học sinh: Một số ảnh về gia đình mình (nếu có)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- GV tổ chức cho HS chọn và hát, vận động theo một bài hát về gia đình (Gợi ý: Bài Cả nhà thương nhau, nhạc sĩ: Phan Văn Minh), sau đó dẫn dắt vào bài mới.
- HS: Hát và vận động theo bài hát.

1. Các thành viên trong gia đình

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Quan sát hình và cho biết gia đình Hoa có những ai?

- GV hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK trang 6 (hoặc hình phóng to)
- GV đặt câu hỏi để HS nhận biết và kể về những thành viên trong gia đình Hoa.
- HS trả lời
- Kết luận: Gia đình Hoa có ông, bà, bố, mẹ, Hoa và em trai. Mọi người đang quây quần, vui vẻ nghe Hoa kể những hoạt động ở trường.

Hoạt động 2. Lúc nghỉ ngơi gia đình Hoa thường làm gì?

- GV hướng dẫn HS, làm việc cặp đôi quan sát hình trong SGK trang 7 và trả lời câu hỏi gợi ý:
 - + Ông bà, bố mẹ Hoa thường làm gì vào lúc nghỉ ngơi?
 - + Mọi người trong gia đình Hoa có vui vẻ không? ...

- HS làm việc cặp đôi, một bạn hỏi – một bạn trả lời từng tranh.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

Hoạt động 3. Giới thiệu với bạn về các thành viên trong gia đình em

- GV hướng dẫn từng cặp đôi hoặc nhóm HS hỏi – đáp về gia đình mình:
 - + Gia đình bạn có những thành viên nào?
 - + Mọi người trong gia đình bạn thường làm gì vào thời gian nghỉ ngơi?
- HS thực hành hỏi – đáp nhóm 2 và nhóm 4.
- GV gọi nhóm 2 HS lên trước lớp thực hiện hỏi - đáp, khuyến khích những học sinh có ảnh gia đình.
- GV kết luận: Ai sinh ra cũng có một gia đình. Ông bà, bố mẹ và anh chị em là những người thân yêu nhất. Mọi người trong gia đình phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

2. Tham gia công việc nhà

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 4. Quan sát hình và cho biết mọi người trong gia đình Hoa cùng tham gia công việc nhà như thế nào.

- GV: Hướng dẫn HS quan sát hình trong SGK 8, 9 (hoặc hình phóng to) và yêu cầu HS thảo luận nhóm theo câu hỏi gợi ý:
 - + Các thành viên trong gia đình Hoa cùng nhau làm việc gì?
 - + Em thấy thái độ của từng thành viên như thế nào? ...
 - * *Việc làm nào của thành viên trong gia đình Hoa sử dụng nước?*
 - * *Em có nhận xét gì về việc sử dụng nước của các thành viên trong gia đình Hoa?*
- HS làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu của GV.
- GV gọi đại diện 1 hoặc 2 nhóm HS lên trước lớp chia sẻ kết quả làm việc nhóm.
- GV Kết luận: Các thành viên trong gia đình Hoa đang chia sẻ công việc nhà như cùng nhau chuẩn bị bữa ăn: mẹ nấu thức ăn, Hoa rửa quả, bố lấy thức ăn từ tủ lạnh, em trai Hoa xếp bát đĩa.

** Việc làm sử dụng nước là việc làm rửa hoa quả, Hoa có thể sử dụng tiết kiệm nước hơn bằng cách rửa quả bằng chậu nhỏ riêng dưới vòi nước, nước rửa quả có thể sử dụng để tưới cây.*

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

Hoạt động 5. Vẽ tranh về gia đình

GV tổ chức cho HS vẽ tranh về gia đình (vẽ các thành viên hoặc cảnh sinh hoạt của gia đình)

- GV chọn một số bức tranh đẹp để trưng bày ở góc học tập.
- Sau đó, GV đặt ra các câu hỏi để HS bày tỏ cảm xúc của mình về các thành viên trong gia đình hoặc mọi người nên làm gì để gia đình là một tổ ấm, ...
- GV kết luận: Gia đình là tổ ấm của mỗi người. Mọi người trong gia đình phải biết yêu thương, quan tâm lẫn nhau và cùng chia sẻ công việc nhà.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM

Hoạt động 6. Ở nhà, em đã làm được những việc gì để giúp bố mẹ? Em cảm thấy thế nào khi tham gia các công việc đó?

- GV đặt câu hỏi:
 - + Ở nhà em thường tham gia vào những công việc nào?
 - * *Những công việc nào có sử dụng nước?*
 - * *Em có nhận xét gì về việc sử dụng nước của bản thân (tiết kiệm/chưa tiết kiệm)*
 - * *Em nên làm gì để sử dụng tiết kiệm nước?*
 - + Khi tham gia vào các công việc đó, em có vui không? Vì sao?
 - + Em thích công việc nào nhất? Vì sao?
- HS chia sẻ những trải nghiệm của bản thân.
 - * *GV cho HS xem một số hình ảnh về các công việc nhà có sử dụng nguồn nước tiết kiệm và không tiết kiệm để HS đưa ra nhận xét và rút ra kết luận cho bản thân khi làm các công việc nhà có liên quan đến sử dụng nước.*
- GV cho HS thực hiện phiếu học tập Thử thách 4 trang 30 tài liệu “Nhật kí nước”, GV có thể yêu cầu HS giải thích lí do vì sao các em chọn phương án sử dụng nước đó.

Thử thách 4

Tiết kiệm và tái sử dụng nước.

Theo bạn, nước rửa rau còn thừa, có thể dùng để làm gì? Đánh dấu vào ô trống mà bạn chọn.



30

Đánh giá

- GV cho HS phát biểu về ý nghĩa của hình tổng kết.
- Tổ chức cho HS đóng vai theo gợi ý của hình để HS tổng kết kiến thức, kỹ năng và thái độ của HS có được thông qua bài học, đồng thời hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết cho cuộc sống.

* **Điều chỉnh, bổ sung sau tiết dạy:**

.....

.....

.....

2.2.2. Môn Khoa học

| | |
|--------------|--|
| LỚP 4 | CHỦ ĐỀ 1. CHẤT Bài 3. Bảo vệ nguồn nước và một số cách làm sạch nước (2 tiết) <i>((Bộ sách Cánh diều))</i> |
|--------------|--|

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau bài học, HS đạt được:

* Về năng lực khoa học tự nhiên:

- Nêu được và liên hệ thực tế ở gia đình và địa phương về nguyên nhân gây ra ô nhiễm nguồn nước; sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.
- Trình bày được một số cách làm sạch nước; liên hệ thực tế về cách làm sạch nước ở gia đình và địa phương.
- Thực hiện được và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.

* Về năng lực chung:

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

* Về phẩm chất:

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn nước sạch của địa phương

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên:

- Máy tính, máy chiếu.
- Các tranh ảnh, clip về tác hại do nguồn nước ô nhiễm gây ra với con người, sinh vật.
- Phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

| Nguồn nước bị ô nhiễm ở gia đình, địa phương | Nguyên nhân | Tác hại |
|--|-------------|---------|
| | | |
| | | |
| | | |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

| Việc cần làm để bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước | Ý nghĩa của việc làm | Đã thực hiện |
|---|----------------------|--------------|
| | | |
| | | |
| | | |

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3 (M25)

Thử thách 3

Bạn đã từng?

Điền vào dấu “...” những hành động tiết kiệm và bảo vệ nước mà bạn đã từng làm

Hành động thích nhất là:
.....
.....

Hành động dễ nhất là:
.....
.....

Hành động nhiều người cùng làm nhất:
.....
.....

Hành động sáng tạo nhất là:
.....
.....

- Chuẩn bị đồ dùng thí nghiệm theo nhóm (theo mỗi thí nghiệm ở trang 16 SGK)

- Học sinh:

- Sách học sinh, vở bài tập.
- Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- GV nêu yêu cầu cho HS theo câu hỏi ở hoạt động mở đầu trang 13 hoặc GV chiếu/cho HS quan sát hình ảnh cá chết ở hồ và đặt câu hỏi: Nêu một số nguyên nhân có thể làm cho cá bị chết?
- HS cùng suy nghĩ, thảo luận và trả lời

- Từ các câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài 3 – Bảo vệ nguồn nước và một số cách làm sạch nước

1. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu nguyên nhân gây ô nhiễm nước và tác hại do nguồn nước ô nhiễm gây ra

- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.
- GV yêu cầu các nhóm quan sát hình trong SGK và thảo luận trả lời câu hỏi Quan sát mục 1, 2 SGK trang 13:

1. Nêu những nguyên nhân ô nhiễm nguồn nước dưới đây.

2. Theo em, những nguồn nước bị ô nhiễm này gây ra tác hại gì?

- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp (1 nhóm trình bày yêu cầu 1; 1 nhóm trình bày yêu cầu 2), các nhóm khác nhận xét.
- Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp (1 nhóm trình bày yêu cầu 1; 1 nhóm trình bày yêu cầu 2), các nhóm khác nhận xét.
- Đại diện các nhóm HS lên trình.
- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.
- GV chiếu hình ảnh và cùng HS chốt các lí do gây nên ô nhiễm nguồn nước:

1. Lí do gây nên ô nhiễm nguồn nước .

+ Hình 1: nước biển bị ô nhiễm do dầu tràn từ tàu

+ Hình 2: nước sông bị ô nhiễm do rác thải vứt xuống kênh, mương hoặc sông.

+ Hình 3: nước thải từ nhà máy chưa qua xử lí xả ra môi trường gây ô nhiễm

+ Hình 4: nước dưới ruộng bị ô nhiễm do thuốc trừ sâu chứa độc tố ngấm xuống.

2. Nguồn nước bị ô nhiễm gây bệnh và làm chết cá, động vật sử dụng.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Hoạt động 2. Liên hệ ở gia đình và địa phương về tình hình ô nhiễm nước

- GV tổ chức các nhóm HS (nhóm 4 hoặc nhóm 6) thảo luận thực hiện yêu cầu:

Nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước ở gia đình và địa phương em.

- GV hướng dẫn các nhóm thảo luận và tổng hợp ý kiến vào Phiếu học tập số 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

| Nguồn nước bị ô nhiễm ở gia đình, địa phương | Nguyên nhân | Tác hại |
|--|-------------|---------|
| | | |
| | | |

- Các nhóm đưa ra ý kiến, trao đổi, thống nhất và ghi vào phiếu
- GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp kết quả làm việc với Phiếu học tập số 1 của nhóm, HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét.
- GV nhận xét, các nhóm bổ sung và tự hoàn thiện Phiếu học tập số 1.

2. Bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3. Tìm hiểu về sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước

- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.
- GV yêu cầu HS đọc, nghiên cứu thông tin trang 14 SGK:

- + Nước có vai trò quan trọng đối với sự sống của con người, động vật và thực vật.
 - + Ở nhiều nơi còn thiếu nước sạch.
 - + Nước sạch dùng trong sinh hoạt phải qua nhiều bước xử lí nước rất tốn kém.
 - + Nước bị ô nhiễm chứa các chất độc, vi sinh vật gây bệnh cho con người và động thực vật.
- GV tổ chức các nhóm thảo luận thực hiện yêu cầu: “Hãy tìm thêm lí do phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.”
 - HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
 - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.
 - GV yêu cầu HS liên hệ ở gia đình và địa phương để trả lời câu hỏi ở trang 14 SGK: “Ở gia đình và địa phương em có những nguồn nước nào bị ô nhiễm? Từ những tác hại do nguồn nước đó gây ra, hãy cho biết vì sao cần phải bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.”
 - GV gọi một HS đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
 - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.
 - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm trình bày tốt.

Hoạt động 4. Tìm hiểu một số việc làm để bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước

- Bước 1: Làm việc nhóm 4

GV yêu cầu các nhóm quan sát hình vẽ, phân loại việc làm bảo vệ nguồn nước và việc làm tiết kiệm nước; nêu thêm những việc làm khác để bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước.

- Bước 2: Làm việc cả lớp

GV gọi một số đại diện các nhóm lên trình bày. HS các nhóm khác nhận xét. GV khuyến khích các nhóm tìm thêm những việc làm khác để bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Hoạt động 5. Thực hiện và vận động những người xung quanh cùng bảo vệ nguồn nước và sử dụng tiết kiệm nước

- *Bước 1: Làm việc nhóm 4*

Mỗi HS nhận Phiếu học tập số 2, thảo luận nhóm để liệt kê đầy đủ những việc cần làm và ý nghĩa của việc làm đó vào phiếu; trả lời câu hỏi 2 ở phần luyện tập, vận dụng trang 15.

- *Bước 2: Làm việc cả lớp*

GV yêu cầu HS khi thực hiện được việc làm nào thì đánh dấu vào phiếu của mình.

GV yêu cầu HS trả lời câu 2 phần luyện tập, vận dụng trang 15. HS khác nhận xét, bổ sung.

- *Bước 3: HS cùng chia sẻ những hành động tiết kiệm và bảo vệ nước theo gợi ý của phiếu học tập.*

Thử thách 3

Bạn đã từng?

Điền vào dấu “...” những hành động tiết kiệm và bảo vệ nước mà bạn đã từng làm

Hành động thích nhất là:

.....

.....


.....

Hành động dễ nhất là:

.....

.....

.....



Hành động nhiều người cùng làm nhất:

.....

.....

.....

Hành động sáng tạo nhất là:

.....

.....

.....

3. Một số cách làm sạch nước

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 6. Tìm hiểu một số cách làm sạch nước

- *Bước 1: Làm việc nhóm 4*

GV yêu cầu HS quan sát các hình 10 -13 trang 15 để biết một số cách làm sạch nước, đồng thời đưa thêm một số cách làm sạch nước như: Chung cất; Viên lọc nước; Lọc qua nôi đất sét; lọc nước bằng đèn UV;

- *Bước 2: Làm việc cả lớp*

GV mời một số HS đại diện nhóm trình bày một số cách làm sạch nước. GV khuyến khích các nhóm nêu thêm được các cách lọc nước.

Hoạt động 7. Thực hành một số cách lọc nước

- *Bước 1: Chia nhóm*

GV chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm.

- *Bước 2: Hướng dẫn thực hiện và ghi chép kết quả*

GV hướng dẫn HS thực hiện thí nghiệm theo các bước trong SGK và yêu cầu HS quan sát và ghi chép kết quả.

HS thực hiện thí nghiệm. Từ nội dung quan sát được GV yêu cầu HS ghi chép và rút ra kết luận.

GV đánh giá kết quả thực hiện của HS.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

Hoạt động 8. Liên hệ cách làm sạch nước ở địa phương

- *Bước 1: Làm việc nhóm 4*

GV cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu trong phần luyện tập, vận dụng ở trang 16 để tìm hiểu các cách lọc nước ở gia đình của mỗi bạn trong nhóm.

GV có thể khuyến khích các nhóm nêu ưu, nhược điểm của các cách làm sạch nước đó và trả lời câu hỏi: Nước sau khi lọc bằng những cách đó có uống được ngay không? Vì sao?

- Bước 2: Làm việc cả lớp

GV mời một số HS đại diện nhóm trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.

GV nhận xét, tuyên dương những nhóm tích cực.

* **Điều chỉnh, bổ sung sau tiết dạy:**

.....

.....

.....

2.2.3. Môn Lịch sử và Địa lí

LỚP 4

Bài 8: Thiên nhiên vùng đồng bằng bắc bộ (tiết 2)

(Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau bài học, HS đạt được:

* Về năng lực Lịch sử và Địa lí:

- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,..) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ
- Đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

* Về năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học
- Năng lực giao tiếp và hợp tác

* Về phẩm chất:

- Yêu nước, yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên:

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam
- Bản đồ/lược đồ vùng Đồng bằng Bắc Bộ
- Video về cảnh quan thiên nhiên, những vấn đề về thiên nhiên (ô nhiễm nước, không khí, tác động của biến đổi khí hậu, ...) ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ
- Phiếu học tập

- Học sinh:

- Hình ảnh về cảnh quan thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- GV giới thiệu hình 1, SGK, HS quan sát hình và trả lời các câu hỏi gợi ý:

- + Em quan sát trong hình thấy có những yếu tố tự nhiên nào?
- + Yếu tố tự nhiên đó có đặc điểm gì?

- GV gọi một số HS trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung

- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới.

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu vị trí địa lí

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ nhóm đôi đọc thông tin và quan sát hình 2 SGK để:

- + Xác định vị trí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên lược đồ?
- + Kể tên những vùng tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

- HS thực hiện nhiệm vụ nhóm đôi.

- GV gọi một số đại diện nhóm lên trình bày, một bạn hỏi – một bạn thực hiện.

- GV và cả lớp nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, tuyên dương, kết luận: Vùng Đồng bằng Bắc Bộ nằm ở phía bắc nước ta, có dạng hình tam giác, tiếp giáp với: vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Duyên hải miền Trung và vịnh Bắc Bộ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu đặc điểm thiên nhiên

a. Tìm hiểu đặc điểm địa hình

- GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc nhóm 2 quan sát hình 2, nêu đặc điểm địa hình của Đồng bằng Bắc Bộ:
 - + Độ cao chủ yếu của vùng Đồng bằng Bắc Bộ khoảng bao nhiêu mét?
 - + So sánh địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ với địa hình của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?
- GV gọi một số đại diện nhóm lên trình bày, một bạn hỏi – một bạn thực hiện.
- GV và cả lớp nhận xét, bổ sung
- GV kết luận: Địa hình vùng đồng bằng Bắc Bộ tương đối bằng phẳng, có độ cao trung bình trên 25m. Đồng bằng có dạng hình tam giác nay vẫn tiếp tục được mở rộng ra phía biển. Có diện tích khoảng 15 000km²

b. Tìm hiểu khí hậu

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm đôi và TLCH:
 - + Nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
 - + Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có mấy mùa, nêu đặc điểm từng mùa?
- GV gọi một số nhóm lên trình bày – Nhóm khác nhận xét bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương.

c. Tìm hiểu sông ngòi

- GV yêu cầu HS tiếp tục quan sát hình 2, thảo luận nhóm 4, đọc thông tin SGK và trả lời câu hỏi:
 - + Kể tên một số sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
 - + Hãy nhận xét về mạng lưới sông ngòi ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ
 - + Nêu vai trò của sông ngòi ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết hợp chỉ lược đồ

- HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét
- GV nhận xét, tuyên dương và kết luận

d. Tìm hiểu đất và sinh vật

- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK và quan sát các hình 4,5
 - + Cho biết tên loại đất chính là vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
 - + Nêu đặc điểm của sinh vật tự nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?
- GV sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút để HS chỉ tranh và trình bày
- GV yêu cầu HS cùng trao đổi với nhau để bổ sung thông tin
- GV tổng kết chung về đặc điểm tự nhiên của vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Hoạt động 3. Tìm hiểu một số thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- GV yêu cầu HS đọc thông tin và thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4.
 - + Trình bày một số thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ vào phiếu học tập.

PHIẾU HỌC TẬP

Đọc thông tin SGK, nêu một số thuận lợi, khó khăn của vùng đồng bằng Bắc Bộ theo bảng gợi ý sau:

| Đặc điểm | Thuận lợi | Khó khăn |
|---------------|-----------|----------|
| Vị trí địa lí | | |
| Địa hình | | |
| Sông ngòi | | |
| Khí hậu | | |

- GV chiếu phiếu HS của 1, 2 nhóm – HS trình bày kết quả của nhóm mình
- GV yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)




Hoạt động 4. Tìm hiểu về bảo vệ thiên nhiên Đồng bằng Bắc Bộ.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, đọc thông tin SGK và nêu các biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- GV hỗ trợ các nhóm còn lúng túng, chưa hiểu nhiệm vụ (nếu cần)
- GV gọi đại diện các nhóm trình bày
- GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi liên hệ:
 - + Trong các biện pháp vừa nêu, em đã và đang thực hiện những việc làm nào cùng với người thân trong gia đình?
 - + Những hoạt động nào em muốn tham gia nhưng chưa thực hiện được? Vì sao?
- GV gọi một số HS trả lời
- GV nhận xét, tuyên dương và tổng kết một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ:
 - + Giáo dục và tuyên truyền bảo vệ thiên nhiên
 - + Xử lý nước thải
 - + Sử dụng phân bón hữu cơ
 - + ...

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

Hoạt động 5. Ảnh hưởng của các yếu tố tự nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ


- GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm 4 và hoàn thành phiếu học tập:

 **LUYỆN TẬP**

Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM, ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ NHIÊN
VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT

| Yếu tố tự nhiên | Đặc điểm | Ảnh hưởng |
|-----------------|----------|-----------|
| Địa hình | ? | ? |
| Khi hậu | ? | ? |
| Sông ngòi | ? | ? |

 **VẬN DỤNG**

Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- GV có thể hỗ trợ nhóm còn lúng túng
- GV yêu cầu các nhóm thực hiện xong sẽ gắn lên bảng lớp hoặc bảng nhóm
- GV tổ chức kĩ thuật phòng tranh để các nhóm cùng chia sẻ kết quả làm việc nhóm, quan sát, trao đổi và đánh giá kết quả.
- GV nhận xét tuyên dương, bổ sung.

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM

Phương án 1: Hoạt động vẽ tranh dòng sông quê em (M6 - Tài liệu Mizuiku – hướng dẫn dạy và học tiết kiệm và bảo vệ nước trang 10)

Phương án 2:

- + GV yêu cầu HS tìm hiểu về một dòng sông thuộc đồng bằng Bắc Bộ viết cảm nhận của em để giới thiệu về dòng sông đó (3 – 5 câu)
- + GV gợi ý viết về: vị trí, đặc điểm nổi bật của dòng sông, ích lợi mà con sông mang lại cho người dân sống quanh đó (Có thể sử dụng tranh ảnh để minh họa)
- + GV nhận xét, đánh giá chung tiết học

*** Điều chỉnh, bổ sung sau tiết dạy:**

2.2.4. Hoạt động trải nghiệm

| | |
|--------------|--|
| LỚP 3 | Chủ đề. Gia đình yêu thương Hoạt động giáo dục theo chủ đề tuần 20: Tiết kiệm điện, nước trong gia đình <i>(Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)</i> |
|--------------|--|

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Sau chủ đề, HS sẽ đạt được:

* Về năng lực thích ứng với cuộc sống:

- Biết được vì sao cần tiết kiệm điện, nước trong gia đình.

* Về năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

- Xây dựng được kế hoạch, hành động cụ thể để tiết kiệm điện, nước trong gia đình.

* Về năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

* Về phẩm chất:

- Trách nhiệm, có ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước trong gia đình và vận động mọi người cùng thực hiện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Giáo viên:

- + Giấy A1
- + Hình ảnh, video sử dụng điện, nước tiết kiệm hoặc chưa tiết kiệm trong gia đình.
- + Phiếu học tập: (M23)

Thử thách 1

Kiểm tra hệ thống cung cấp nước của gia đình

| THIẾT BỊ | CÁC MỤC KIỂM TRA | KẾT QUẢ | CẦN PHẢI LÀM GÌ |
|--------------------|--|---------|-----------------|
| Vòi nước | Có bao nhiêu vòi nước trong nhà? | | |
| | Bao nhiêu vòi nước bị rò rỉ? | | |
| Thiết bị chứa nước | Có bao nhiêu thiết bị chứa nước trong nhà của bạn? | | |
| | Có dụng cụ nào bị hư hỏng không? | | |
| | Có dụng cụ chứa nước mưa không? | | |



- Học sinh: Hóa đơn tiền điện, nước của gia đình trong những tháng gần nhất (nếu có)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- GV tổ chức múa dân vũ “Rửa tay, Múa gỏi”
 - + Em hãy nêu quy trình của rửa tay?
 - + Thao tác giặt gỏi như thế nào?
- GV nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới

HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Tìm hiểu việc sử dụng nước trong gia đình em.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4 và thực hiện các nhiệm vụ:
 - + Chia sẻ về tiền điện, nước của gia đình tháng những tháng vừa qua.
 - + So sánh với bạn trong nhóm về số tiền điện, nước sử dụng trong gia đình em với gia đình bạn.

+ Liệt kê các hoạt động cần sử dụng điện, nước và các thiết bị sử dụng điện, nước hằng ngày.

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.
- GV gọi đại diện một số nhóm lên trình bày, HS các nhóm khác lắng nghe và góp ý.
- GV khuyến khích HS so sánh các hoạt động cần sử dụng điện, nước và các thiết bị sử dụng điện của mỗi HS trong nhóm với hóa đơn tiền điện để rút ra nhận xét về mối quan hệ giữa các hoạt động cần sử dụng điện, nước và số lượng các thiết bị sử dụng điện nước của mỗi gia đình với hóa đơn điện, nước phải trả.
- GV đặt câu hỏi: Liệu có cách nào để giảm tiền điện, nước hằng tháng đi không.
- GV gọi lần lượt HS trả lời.

Kết luận: Việc sử dụng điện, nước trong gia đình nếu không tiết kiệm sẽ làm tiêu tốn của gia đình một khoản tiền lớn.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

Hoạt động 2: Thảo luận về cách tiết kiệm điện, nước trong gia đình

- GV yêu cầu HS đọc một số thông tin về sử dụng điện, nước.
- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4 về cách tiết kiệm điện, nước trong gia đình theo gợi ý:
 - + Ban ngày, có ánh nắng mặt trời, có nên mở nhiều đèn?
 - + Khi cả nhà đi ra ngoài, có để ti vi mở, bật đèn sáng hay không?
 - + Nước sau khi rửa rau có thể dùng vào việc gì khác nữa?
 - + Kiểm tra lại vòi nước đã vặn chặt chưa?
 - + Mở nhỏ nước hay cứ để nước chảy thật mạnh khi rửa tay, rửa bát?
- Các nhóm HS thảo luận trả lời cho mỗi tình huống.
- GV mời từng nhóm chia sẻ
- GV mời các nhóm khác nhận xét.

Kết luận: Mỗi chúng ta đều có thể giúp tiết kiệm điện, nước trong gia đình bằng những hành động cụ thể của mình!

HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM

Hoạt động 3. Cùng thực hiện tiết kiệm điện, nước ở gia đình

Phương án 1: Thực hiện phiếu học tập và chia sẻ kết quả.

Thử thách 1

Kiểm tra hệ thống cung cấp nước của gia đình

| THIẾT BỊ | CÁC MỤC KIỂM TRA | KẾT QUẢ | CẦN PHẢI LÀM GÌ |
|--------------------|--|---------|-----------------|
| Vòi nước | Có bao nhiêu vòi nước trong nhà? | | |
| | Bao nhiêu vòi nước bị rò rỉ? | | |
| Thiết bị chứa nước | Có bao nhiêu thiết bị chứa nước trong nhà của bạn? | | |
| | Có dụng cụ nào bị hư hỏng không? | | |
| | Có dụng cụ chứa nước mưa không? | | |



Phương án 2:

- GV yêu cầu HS nêu những việc cần làm phù hợp để tiết kiệm điện, nước ở gia đình của HS.
- GV gọi một số HS chia sẻ.
- HS khác lắng nghe và chia sẻ thêm những cách làm phù hợp khác để tiết kiệm tiết kiệm điện, nước ở gia đình của mình.
- GV đề nghị HS về nhà:
- Thực hiện các việc làm để tiết kiệm điện, nước.
- Vận động người thân cùng thực hiện tiết kiệm điện, nước
- Cùng người thân tìm hiểu thêm cách sử dụng các thiết bị điện, nước.

* Điều chỉnh sau tiết dạy

.....

.....

.....

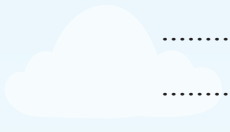
TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” – Số: 29-NQ/TW
2. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2014), Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 Hội nghị Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước – Số: 33-NQ/TW
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông – Môn Lịch sử và Địa lí, cấp Tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm, và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông – Mĩ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông – Tự nhiên và Xã hội (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình Giáo dục phổ thông – Khoa học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).
9. Quốc hội (2022), Luật Bảo vệ môi trường, Số 21/VBHN-VPQH ngày 29 tháng 12 năm 2022.



A series of 20 horizontal dotted lines for handwriting practice, spanning the width of the page.



A series of horizontal dotted lines for handwriting practice, set against a light blue background with white clouds.



